



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Hà Nội, tháng 4/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

1. CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025

Hà Nội, tháng 4/2025

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Thời gian: Ngày 21 tháng 4 năm 2025

*Địa điểm: Phòng họp II - Tòa nhà Văn phòng Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội
- Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q.Đống Đa - Hà Nội*

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	CHỦ TRÌ
1	9h00 – 9h15	- Đón tiếp đại biểu và các cổ đông - Cổ đông đăng ký danh sách - Kiểm tra tư cách cổ đông	Ban tổ chức
2	9h15 – 9h30	- Ổn định tổ chức, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành đại hội - Giới thiệu Chủ tọa, Thư ký đại hội - Giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu - Thông qua chương trình nghị sự, quy chế làm việc tại ĐH	Ban tổ chức Chủ tọa
3	9h30 – 9h45	- Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2020-2025 của Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội, định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030. - Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024, định hướng hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội.	Chủ tọa
4	9h45 – 10h00	- Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2020-2025 của Ban kiểm soát PVOIL Hà Nội, định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030. - Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát PVOIL Hà Nội.	Ban kiểm soát
5	10h00 – 10h15	- Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội và lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025. - Tờ trình về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024.	Ban kiểm soát Chủ tọa
6	10h15 – 10h25	- Tờ trình về việc phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2025. - Tờ trình về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa PVOIL Hà Nội và Tổng công ty Dầu Việt Nam-CTCP và người có liên quan của PVOIL.	Chủ tọa
7	10h25 – 10h30	Tờ trình về việc thù lao – thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025.	Chủ tọa
8	10h30 – 10h40	Tờ trình về việc phê duyệt sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội.	

9	10h40 – 10h55	- Tờ trình về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030. - Thủ tục bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030.	Chủ tọa
10	10h55 – 11h15	- Cổ đông thảo luận các vấn đề báo cáo và biểu quyết từng vấn đề. - Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu biểu quyết các nội dung cổ đông thông qua.	Chủ tọa Ban kiểm phiếu
11	11h15 – 11h30	- Thư ký đại hội trình bày Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội. - Lấy biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết ĐH - Bế mạc Đại hội.	Thư ký ĐH Chủ tọa



CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

3.1. BÁO CÁO

**TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2020-2025 VÀ KẾ HOẠCH
HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2025-2030 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PVOIL HÀ NỘI**

Hà Nội, tháng 4/2025

Số: ~~4078~~ /XDHN-BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2020-2025 và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PVOIL Hà Nội) nhiệm kỳ 2020-2025 được Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu tại cuộc họp thường niên ngày 17/4/2020. HĐQT PVOIL Hà Nội xin báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ vừa qua như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2020-2025

1. Đặc điểm tình hình giai đoạn 2020-2025

1. Tình hình kinh tế, chính trị và thị trường kinh doanh xăng dầu

Trong giai đoạn 2020-2024, tình hình kinh tế, chính trị thế giới có rất nhiều biến động phức tạp, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, xung đột quân sự Nga – Ukraina, căng thẳng tại Trung Đông.... Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu cộng hưởng với đại dịch Covid-19 bùng phát toàn cầu cũng khiến tăng trưởng các nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đối với Việt Nam, tăng trưởng của nền kinh tế sụt giảm trong giai đoạn 2020-2023 và xu hướng phục hồi dần nửa cuối năm 2023.

Đối với thị trường kinh doanh xăng dầu trong nước, Chính phủ tiếp tục kiểm soát giá bán lẻ, ưu tiên điều hành theo hướng kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và hỗ trợ phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19. Là

mặt hàng thiết yếu, chiến lược, ảnh hưởng trực tiếp và sâu rộng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống người dân. Vì vậy, trước diễn biến bất thường giai đoạn vừa qua, Chính phủ đã có rất nhiều nỗ lực để điều hành và bình ổn giá xăng dầu thông qua giá cơ sở, các công cụ thuế quan và quỹ bình ổn. Trong bối cảnh gian lận thương mại trong kinh doanh xăng dầu diễn ra với nhiều hình thức tinh vi, phức tạp, việc Chính phủ liên tục ban hành các Nghị định mới để sửa đổi, bổ sung Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu (Nghị định 95/2021/NĐ-CP năm 2021 và Nghị định 80/2023/NĐ-CP năm 2023) cũng như tăng cường công tác kiểm tra xử lý các vi phạm của một số Đầu mối tư nhân đã góp phần làm cho thị trường hoạt động lành mạnh hơn. Thực tế này cũng đòi hỏi các đơn vị kinh doanh xăng dầu cần phải linh hoạt điều chỉnh, thích ứng với thay đổi cũng như tận dụng tốt các cơ hội thị trường để tồn tại và phát triển.

2. Tình hình nhân sự của HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025

HĐQT PVOIL Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025 được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18/5/2020 bao gồm 04 thành viên trong đó 03 thành viên là Người đại diện phần vốn của PVOIL tại PVOIL Hà Nội và 01 thành viên là Người đại diện phần vốn của Oceanbank (nay là MBV) tại PVOIL Hà Nội. Ngay sau khi Đại hội tiến hành bầu các thành viên, HĐQT đã họp và thống nhất bầu Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020-2025.

Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã có một số lần thay đổi và bổ sung nhân sự, cụ thể như sau:

- Ngày 01/9/2020: Miễn nhiệm Bà Trần Thị Thu Phong – Thành viên HĐQT nghỉ chế độ hưu trí và bầu bổ sung Ông Lưu Chí Nguyên thay thế cho Bà Trần Thị Thu Phong (Người đại diện phần vốn của PVOIL).

- Ngày 20/4/2022: Bầu bổ sung Ông Đỗ Khắc Cường – Giám đốc Chi nhánh PVOIL Hà Nội tại Hà Giang giữ chức Thành viên HĐQT, nâng tổng số thành viên HĐQT lên 05 người, trong đó 04 người là đại diện phần vốn của PVOIL, 01 người là đại diện phần vốn của Oceanbank (nay là MBV).

- Ngày 22/7/2022: Miễn nhiệm Ông Lưu Chí Nguyên – Thành viên HĐQT chuyển công tác và bầu bổ sung Ông Đào Xuân Hữu thay thế cho Ông Lưu Chí Nguyên (Người đại diện phần vốn của PVOIL).

- Ngày 17/4/2024: Miễn nhiệm Ông Hoàng Minh Thái – Thành viên HĐQT và bầu bổ sung Bà Đào Hồng Ngọc thay thế cho Ông Hoàng Minh Thái (Người đại diện phần vốn của Oceanbank – nay là MBV).

- Ngày 20/12/2024: Miễn nhiệm Ông Vũ Hoài Lam – Chủ tịch HĐQT chuyển công tác và bầu bổ sung Ông Hoàng Đình Tùng giữ chức Thành viên HĐQT thay thế

Ông Vũ Hoài Lam. Ngay sau đó, ngày 23/12/2024, HĐQT đã họp thống nhất bầu Ông Hoàng Đình Tùng giữ chức Chủ tịch HĐQT (Người đại diện phần vốn của PVOIL).

- Ngày 28/12/2024: Miễn nhiệm Ông Trần Mạnh Hà – Thành viên HĐQT chuyển công tác và bầu bổ sung Ông Nguyễn Hoàng Phúc thay thế cho Ông Trần Mạnh Hà (Người đại diện phần vốn của PVOIL).

Tại các thời điểm có thay đổi thành viên HĐQT, HĐQT Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng đối với từng thành viên và có sự trao đổi, thống nhất trong phương thức hoạt động, chỉ đạo, điều hành.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025

1. Đánh giá công tác tổ chức các cuộc họp định kỳ của HĐQT PVOIL Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025

Trong nhiệm kỳ vừa qua, bên cạnh việc thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng/quý với Ban điều hành Công ty, HĐQT đã tổ chức họp định kỳ hàng quý và họp xem xét các kiến nghị, đề xuất của Ban điều hành. Các vấn đề lớn, quan trọng đã được HĐQT phê duyệt trong nhiệm kỳ trên cơ sở đề xuất của Ban điều hành và ý kiến của các thành viên HĐQT, đảm bảo kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và định hướng cho hoạt động SXKD của Công ty an toàn, hiệu quả.

Một số vấn đề lớn đã được HĐQT phê duyệt thông qua trong nhiệm kỳ 2020-2025 bao gồm:

- Thông qua kế hoạch triển khai sắp xếp, tái cấu trúc PVOIL Hà Nội và triển khai các nội dung trình ĐHĐCĐ về phương án sáp nhập PVOIL Hà Giang vào PVOIL Hà Nội; phát hành cổ phiếu hoán đổi, tăng vốn điều lệ và mã ngành nghề kinh doanh sau sáp nhập;

- Phê duyệt kế hoạch SXKD hàng năm và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch (nếu có);
- Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên;
- Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của PV OIL Hà Nội;
- Thông qua kế hoạch định biên lao động hàng năm;
- Phê duyệt tăng hạn mức tín dụng tại ngân hàng phục vụ nhu cầu SXKD của Công ty;

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của PVOIL Hà Nội;

- Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương hàng năm của cán bộ quản lý và Người lao động PVOIL Hà Nội;

- Phê duyệt quỹ lương – đơn giá tiền lương CBCNV, Quỹ tiền lương cán bộ quản lý và kế hoạch chi lương hàng năm của PVOIL Hà Nội;

- Phê duyệt kế hoạch chi thường cho cán bộ quản lý của Công ty;
- Thông qua chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí;
- Thông qua việc chi trả cổ tức hàng năm cho cổ đông PVOIL Hà Nội;
- Phê duyệt trình ĐHĐCĐ bổ sung mã ngành đăng ký kinh doanh; thành lập địa điểm kinh doanh Cửa hàng tiện ích (PVMart), thành lập chi nhánh mới, thành lập địa điểm kinh doanh thuộc các chi nhánh phục vụ công tác quản lý và kinh doanh CHXD mới đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật; Phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư xe ô tô sitec vận chuyển xăng dầu;
- Các nội dung trình ĐHĐCĐ thay đổi thành viên HĐQT; nội dung miễn nhiệm, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch cán bộ quản lý theo phân cấp;
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung các quy chế thuộc phạm vi phân cấp và phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT.

2. Đánh giá công tác giám sát, phối hợp của HĐQT với Ban điều hành và các tổ chức đoàn thể

2.1. Đối với Ban điều hành

Thực hiện theo đúng phân công công việc, trong giai đoạn vừa qua, từng thành viên HĐQT đã phối hợp, chỉ đạo và định hướng cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo từng lĩnh vực trong hoạt động SXKD đảm bảo tuân thủ đúng quy chế, quy định quản lý của Tổng công ty và Công ty.

Trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động SXKD, Ban điều hành đã triển khai nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành trong năm, đồng thời thực hiện tốt vai trò tham mưu cho các quyết sách của HĐQT. Các thành viên Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ và sâu sát trong chỉ đạo, đảm bảo hoạt động SXKD của đơn vị thông suốt và hiệu quả.

2.2. Đối với Ban kiểm soát

HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Định kỳ hàng tháng, quý, Ban kiểm soát đều duy trì báo cáo đánh giá hoạt động của Ban điều hành đồng thời đưa ra các cảnh báo rủi ro trong hoạt động SXKD của đơn vị để Ban điều hành có biện pháp khắc phục, phòng ngừa phù hợp.

2.3. Đối với các tổ chức đoàn thể

HĐQT luôn tuân thủ đúng quy chế phối hợp với Đảng, quy chế phân cấp trong quản lý cán bộ, thực hiện rà soát, đánh giá cán bộ, bổ nhiệm/ bổ nhiệm lại cán bộ trong phạm vi phân cấp. Đối với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, HĐQT luôn quan

tâm, tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể hoạt động tốt, chăm lo, động viên khích lệ đời sống CBCNV Công ty.

3. Đánh giá tình hình hoạt động của PVOIL Hà Nội trong nhiệm kỳ 2020-2025

Bảng các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản trong giai đoạn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2020-2024	Thực hiện 2020-2024	%TH/KH
I	Tổng sản lượng tiêu thụ	M³/tấn			
1	Xăng dầu	M3/tấn	1.906.000	2.212.377	116%
2	Dầu mỡ nhờn	Tấn	356.000	324.703	91%
II	Các chỉ tiêu tài chính	Tỷ đồng			
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	25.303,9	35.203,4	139%
2	Lợi nhuận TT	Tỷ đồng	61,6	75,6	123%
3	Các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	3.546,0	4.320,4	122%
III	Đầu tư CHXD	Cửa hàng	16,0	11,0	73%
IV	Lao động				
1	Trung bình định biên lao động (*)	Người	406	402	99%
2	Thu nhập bình quân người lao động	Tr.đồng/ Người	13,6	16,9	124%

(*) Ghi chú: Từ 01/01/2022 số lượng lao động PVOIL Hà Nội tăng 47 người do sáp nhập PVOIL Hà Giang vào PVOIL Hà Nội.

3.1. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh

a. Về kinh doanh xăng dầu

- Trong giai đoạn 2020-2024, đơn vị luôn triển khai tốt các hoạt động kinh doanh tuân thủ theo các chính sách, nghị định mới của Nhà nước, bám sát chính sách bán hàng và công nợ của Tổng công ty, đảm bảo an toàn nguồn vốn trong quá trình hoạt động.

- Tổng sản lượng kinh doanh xăng dầu của đơn vị cả giai đoạn 2020-2024 đạt 2,21 triệu m³/tấn, đạt 116% kế hoạch, bình quân 442,4 nghìn m³/năm, lợi nhuận đạt 75,7 tỷ đồng, tương đương 123% kế hoạch, bình quân 15,14 tỷ đồng/năm. Đặc biệt là sản lượng kinh doanh của đơn vị liên tục bứt phá qua các năm 2022, 2023, 2024 và đạt ngưỡng cao nhất từ trước tới nay mặc dù bối cảnh tác động kép của tình hình địa chính trị và đại dịch covid-19 khiến nhiều thời điểm thị trường được đánh giá “đị biệt” và vô cùng khó khăn. So với các đơn vị thành viên khác, PVOIL Hà Nội hiện vẫn đang là một trong các đơn vị có sản lượng bán hàng lớn nhất trên phạm vi toàn Tổng công ty với tỷ trọng chiếm khoảng 10% sản lượng của toàn Tổng công ty.

- Về cơ cấu kênh bán hàng, đơn vị luôn xác định đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu các kênh theo hướng bền vững, trong giai đoạn vừa qua tỷ trọng các kênh bán lẻ và bán trực tiếp, bán KHCN duy trì ở ngưỡng 40-60% tổng sản lượng hàng năm. Đơn vị đã thực hiện nhiều lần đấu thầu thành công để cung cấp xăng dầu cho khách hàng các ngành công nghiệp lớn như Than, Đường sắt...

- Về phát triển hệ thống khách hàng, đơn vị đã rất nỗ lực cố gắng trong công tác thị trường để duy trì khách hàng truyền thống, tận dụng mọi cơ hội tiếp cận và mở rộng khách hàng tiềm năng. Tính đến thời điểm hiện tại, PVOIL Hà Nội 173 khách hàng, trong đó có 46 TNPP, 75 Đại lý/TNNQ, 52 khách hàng công nghiệp và tiêu thụ trực tiếp. Hàng năm bộ phận kinh doanh đều hoàn thành kế hoạch phát triển khách hàng mới và tính đến nay, số lượng khách hàng của đơn vị tăng gần 17% so với giai đoạn 2015-2019.

- Bên cạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu truyền thống, PVOIL Hà Nội cũng tích cực triển khai bán hàng bằng xe PVOIL Mobile, chương trình PVOIL Easy tích hợp với nhiều hình thức thanh toán điện tử (Got it, Vietcombank, ViettelPay, Ví MOMO...), triển khai mạnh mẽ chương trình PVOIL4U với PVCombank, MB Bank, HD Bank đạt hiệu quả cao góp phần nâng cao sản lượng bán lẻ. Đặc biệt là chương trình PVOIL Easy đã giúp tiếp cận tốt hơn các thị trường ngách, địa bàn vùng sâu vùng xa, các đối tượng khách hàng cá nhân với sản lượng tăng mạnh qua từng năm (Năm 2024 sản lượng bán qua chương trình PVOIL Easy đạt 39.700 m³, trung bình 3.183 m³/tháng, tương đương 238% so với sản lượng trung bình tháng năm 2020 (1.336 m³/tháng và hiện là đơn vị được Tổng công ty giao kế hoạch sản lượng PVOIL Easy cao nhất hàng năm).

b. Các hoạt động kinh doanh khác (ngoài xăng dầu)

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh xăng dầu, HDQT Công ty đã chỉ đạo đơn vị đa dạng hóa loại hình kinh doanh, vừa đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, vừa nâng cao uy tín, thương hiệu và hiệu quả chung của toàn Công ty. Đây cũng là nhiệm kỳ đơn vị triển khai mạnh mẽ nhiều hoạt động kinh doanh ngoài xăng dầu, cụ thể như sau:

- Kinh doanh vận tải: Hệ thống phương tiện vận tải xăng dầu của Công ty giai đoạn vừa qua được quản lý và khai thác hiệu quả trong quá trình vận hành cũng như đảm bảo chất lượng hàng hóa, chất lượng phục vụ, đáp ứng 100% nhu cầu vận chuyển, đạt mục tiêu trở thành ưu thế cạnh tranh của Công ty. Sản lượng vận tải cả giai đoạn đạt 695.401 m³/tấn xăng dầu, tương đương 116.000.000 m³/km có hàng; số chuyến vận hành bình quân đạt 25 chuyến/tháng-xe.

- Kinh doanh dầu mỡ nhờn: Sản lượng DMN tiêu thụ trong giai đoạn là 324.703 m³. Để thúc đẩy sản lượng bán dầu mỡ nhờn, đơn vị đã ban hành Quyết định điều chỉnh giá bán và chính sách bán hàng đối với sản phẩm DMN PVOIL Lube từ 01/7/2023 để các CHXD được tự chủ động quyết định giá bán đảm bảo nằm trong quy định giữa giá sàn và giá trần do Công ty quy định.

- Kinh doanh PVMart: Đơn vị đã khai trương và đưa vào hoạt động 02 Cửa hàng PVMart tại CHXD Phù Lỗ và CHXD Hồ Sen từ cuối năm 2021 với hơn 1000 mã hàng của mỗi cửa hàng cùng với các dịch vụ đi kèm đã góp phần quảng bá thương hiệu, đa dạng hóa loại hình kinh doanh, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và tương hỗ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu.

- Kinh doanh cho thuê tài sản và cho thuê quảng cáo: Đơn vị đã tích cực tìm kiếm các đối tác trong và ngoài ngành để đẩy mạnh công tác cho thuê tài sản và cho thuê

quảng cáo trong cả giai đoạn. Đối với cho thuê tài sản, tính đến hết năm 2024, đơn vị đang thực hiện 34 hợp đồng với các đối tác tại nhiều địa bàn hoạt động của khối văn phòng, chi nhánh, CHXD. Đối với cho thuê quảng cáo, đơn vị hiện đang thực hiện 05 hợp đồng lớn với các đối tác trong ngành dầu khí (PVPower, BRS, PVFCCo, PVGas, PVTrans).

- Kinh doanh trạm sạc Vgreen: Đơn vị đã phối hợp với đối tác Vinfast bắt đầu triển khai lắp đặt các trạm sạc Vgreen tại các CHXD và đưa vào hoạt động từ Quý IV/2022. Đến nay, hệ thống đã có 27 CHXD có trạm sạc với 164 slot sạc xe được quản lý và vận hành đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác: Bên cạnh các lĩnh vực trên, đơn vị tiếp tục duy trì kinh doanh nước khoáng, bảo hiểm xe cơ giới, mũ bảo hiểm, bộ sản phẩm chăm sóc xe oto PVOIL Care tại các CHXD. Đối với mỗi loại hình kinh doanh phụ trợ, đơn vị đều xây dựng chính sách bán hàng phù hợp kích thích các CHXD tích cực tham gia triển khai đồng thời tăng thu nhập cho Người lao động và hiệu quả SXKD chung của Công ty.

Kết quả thực hiện cả giai đoạn, tổng doanh thu các loại hình kinh doanh phụ trợ tại đơn vị đạt 76,1 tỷ đồng, bình quân 15,2 tỷ đồng/năm, trong đó doanh thu năm 2024 đạt mức cao nhất cả giai đoạn (28,85 tỷ đồng). Trong cơ cấu doanh thu các loại hình kinh doanh phụ trợ, nổi bật là: Hoạt động cho thuê tài sản với tổng doanh thu đạt 12,5 tỷ đồng (bình quân 2,5 tỷ đồng/năm); Hoạt động cho thuê quảng cáo đạt 18,2 tỷ đồng (bình quân 3,64 tỷ đồng/năm); Hoạt động hợp tác với Vinfast từ cuối năm 2022 đạt tổng doanh thu 9,64 tỷ đồng (bình quân 4,4 tỷ đồng/năm); Hoạt động kinh doanh hàng PVMart từ quý 4/2022 đóng góp tổng doanh thu là 20,8 tỷ đồng, chiếm 27,4% doanh thu bình quân của hoạt động kinh doanh phụ trợ hàng năm.

3.2. Về công tác đầu tư, phát triển hệ thống

a. Về đầu tư hệ thống kho bể tồn chứa

Trong giai đoạn 2020-2024, HĐQT đã chỉ đạo đơn vị hoàn thành công tác đầu tư hệ thống đo bồn bể tự động tại Kho Bắc Giang, chú trọng thực hiện tốt công tác quản lý giám sát, đảm bảo Kho Bắc Giang luôn được vận hành khai thác an toàn, hiệu quả. Công tác dịch vụ, phục vụ khách hàng tại Kho cũng ngày càng chuẩn hóa, chuyên nghiệp thông qua việc thực hiện tốt Đề án 808 về nâng cao chất lượng dịch vụ kho xăng dầu.

b. Về phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu

HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo đơn vị tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư CHXD dưới mọi hình thức (đầu tư mới, mua lại, liên kết hợp tác...), đồng thời phân tích đánh giá kỹ từng cơ hội để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả các dự án. Kết quả tính đến cuối năm 2024, đơn vị đã hoàn thành việc đầu tư mới 11 CHXD và tiếp nhận 7 CHXD sau sáp nhập với PVOIL Hà Giang, nâng tổng số CHXD của đơn vị lên 56 cửa hàng. Tuy nhiên so với kế hoạch ĐHCĐ thường niên, đơn vị mới hoàn thành 73% kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống CHXD. Bên cạnh việc đẩy mạnh công tác phát triển mạng lưới

CHXD, đơn vị cũng chú trọng triển khai tốt Đề án 1114 và luôn được TCT đánh giá cao chất lượng.

c. Về công tác đầu tư cải tạo, nâng cấp CHXD và đầu tư mua sắm

Xác định công tác đầu tư cải tạo, nâng cấp CHXD là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hỗ trợ hiệu quả cho công tác gia tăng sản lượng bán lẻ trong bối cảnh phát triển mới CHXD gặp nhiều khó khăn, trong giai đoạn vừa qua đơn vị đã tập trung nguồn lực thực hiện kế hoạch đầu tư cải tạo sửa chữa CHXD hàng năm. Kết quả thực hiện giai đoạn 2020-2024, đơn vị đã hoàn thành cải tạo, sửa chữa, nâng cấp sửa chữa lớn cho 25 CHXD với tổng mức đầu tư gần 30 tỷ đồng. 100% các CHXD sau cải tạo sửa chữa đều tăng sản lượng, trong đó mức tăng cao nhất là CHXD Phù Lỗ (từ 460 m³/tháng lên 880 m³/tháng, tương đương 190% sản lượng trước sửa chữa). Đối với công tác đầu tư mua sắm, đơn vị đã hoàn thành đầu tư hiện đại hóa cột bơm, hệ thống đo bồn tự động với tổng giá trị mua sắm 7,9 tỷ đồng. Ngoài ra, đơn vị phối hợp với đối tác Vinfast hoàn thành lắp đặt hệ thống trạm sạc Vgreen cho 27 CHXD.

d. Về đầu tư hệ thống phương tiện vận tải

Trong cả giai đoạn đơn vị đã đầu tư bổ sung 07 xe sitec nâng tổng số phương tiện vận tải xăng dầu lên 21 xe với tổng dung tích vận tải là 454 nghìn m³/tấn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu vận chuyển hàng hóa cho hệ thống CHXD trải rộng và các khách hàng, và đầu tư 04 xe ô tô văn phòng thay thế 03 xe con cũ đã thanh lý.

3.3. Về công tác quản lý rủi ro và xử lý công nợ xấu

HĐQT luôn chú trọng tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo việc quản lý rủi ro, xử lý nợ xấu và ngăn chặn nợ quá hạn phát sinh. Trong giai đoạn vừa qua, Công ty thường xuyên rà soát công nợ khách hàng bán buôn, bán lẻ có khả năng phát sinh rủi ro để kịp thời cảnh báo và có biện pháp phòng ngừa phù hợp. Đối với các khoản nợ xấu còn tồn đọng, đơn vị đã xử lý thu hồi dứt điểm và không có trường hợp nợ xấu, nợ quá hạn nào phát sinh trong cả giai đoạn; công nợ phải thu, công nợ phải trả đều đảm bảo đúng hạn mức phê duyệt và được Tổng công ty đánh giá cao.

3.4. Về công tác quản trị doanh nghiệp

Trong giai đoạn 2020-2024, HĐQT đã tập trung chỉ đạo tốt công tác quản trị tại đơn vị, kết quả thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

• **Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:**

Thực hiện chủ trương tái cấu trúc doanh nghiệp đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 2692/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/10/2021, PVOIL Hà Nội đã hoàn thành công tác sáp nhập PVOIL Hà Giang vào PVOIL Hà Nội trong năm 2021 và bắt đầu vận hành mô hình Công ty với chi nhánh mới là Chi nhánh Hà Giang kể từ ngày 01/01/2022. Kể từ khi sáp nhập đến nay, đơn vị đã duy trì ổn định tổ chức, hoạt động của hệ thống và triển khai tốt các nhiệm vụ theo từng giai đoạn sau tái cấu trúc. Hoạt động SXKD của

đơn vị sau tái cấu trúc đạt kết quả tốt hơn trước, đời sống thu nhập CBNV và lợi ích, niềm tin đối với cổ đông, khách hàng đều được nâng cao.

• *Các công tác quản trị thường xuyên:*

- HĐQT đã phê duyệt kế hoạch SXKD hàng năm của PVOIL Hà Nội, đồng thời chỉ đạo Ban điều hành triển khai giao kế hoạch đến từng đơn vị gắn liền với việc kiểm tra, giám sát nhằm hoàn thành tốt nhất chỉ tiêu, kế hoạch của toàn đơn vị. Chú trọng các công tác văn minh thương mại (thực hiện Đề án 1114, 808) và ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình điều hành hoạt động SXKD.

- Đối với công tác chuyển quyền sử dụng đất và tài sản cho các CHXD trực thuộc: HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tích cực bám sát các cơ quan chức năng nhà nước tại từng địa phương để tháo gỡ khó khăn cho công tác chuyển quyền sử dụng đất và tài sản cho các CHXD trực thuộc. Tính đến hết năm 2024, đơn vị hoàn thành công tác chuyển tên sở hữu cho 7/8 CHXD của chi nhánh Hà Giang về PVOIL Hà Nội (còn CHXD Minh Khai đang triển khai thủ tục và còn vướng mắc do số liệu trên giấy tờ có sự sai lệch so với thực tế, thành phần hồ sơ thiếu, không đủ so với quy định...). Ngoài ra đơn vị cũng hoàn thành đăng ký tài sản trên đất cho CHXD Tân Sơn và đang thực hiện thủ tục đăng ký tài sản trên đất cho CHXD Cao Ngạn, Lập Thạch.

- Đối với lĩnh vực công tác cán bộ, HĐQT tuân thủ đúng quy chế phối hợp với Đảng, quy chế phân cấp trong quản lý cán bộ, thực hiện rà soát đánh giá các cán bộ trong phạm vi phân cấp quản lý của HĐQT. HĐQT đã phê duyệt kế hoạch định biên lao động hàng năm và ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của đơn vị. Công tác đào tạo nội bộ và bên ngoài cũng được HĐQT quan tâm, chỉ đạo sát sao nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đơn vị.

- Chỉ đạo nâng cấp hệ thống quản lý tích hợp của Công ty đáp ứng 3 tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001 và ISO 45001 đồng thời liên tục rà soát, điều chỉnh bổ sung các văn bản quản lý trong quá trình hoạt động để phục vụ tốt nhất cho hoạt động SXKD.

- Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thành lập các địa điểm kinh doanh Cửa hàng tiện ích, thành lập Chi nhánh Hải Dương và các địa điểm kinh doanh trực thuộc các chi nhánh để đưa các CHXD mới đi vào hoạt động.

- Chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị tốt công tác hậu cần, tài liệu nghị sự và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên, chi trả cổ tức theo Quyết định của ĐHĐCĐ.

- Chỉ đạo Ban điều hành triển khai kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt; tăng hạn mức tín dụng tại ngân hàng kịp thời phục vụ nhu cầu SXKD của Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành quyết toán quỹ tiền lương của cán bộ quản lý và Người lao động PVOIL Hà Nội, đồng thời phê duyệt Quỹ lương – đơn giá tiền lương CBCNV, quỹ tiền lương cán bộ quản lý và kế hoạch chi lương hàng năm của Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xây dựng các kế hoạch, chương trình hành động và quyết liệt triển khai đến từng bộ phận.

- Chỉ đạo Ban điều hành kịp thời triển khai tốt các công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đảm bảo hoạt động SXKD thông suốt và an toàn sức khỏe Người lao động. Phòng chống và ứng phó với cơn bão số 3, rà soát tổng thể hệ thống cơ sở hạ tầng kinh doanh xăng dầu sau bão và phối hợp các tổ chức đoàn thể quan tâm hỗ trợ điều kiện sinh hoạt của CBCNV tại các địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề sau bão.

- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thành công các sự kiện lớn của Công ty, tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do Công đoàn Ngành, Công đoàn Tổng công ty phát động và đạt nhiều thành tích cao.

4. Về phân chia lợi nhuận

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		Tỷ lệ (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (tỷ đồng)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN trước khi trích lập quỹ + LN năm trước còn lại		3,22		11,23		10,68		15,51		11,57
2	Trích lập quỹ	80%	1,83	50%	5,68	40%	4,17	46%	6,57	47,34%	5,47
-	Quỹ khen thưởng								0,71		0,58
-	Quỹ thưởng cán bộ quản lý				0,67		0,71		0,88		0,62
-	Quỹ phúc lợi		1,83		5,01		3,45		3,97		3,58
-	Quỹ đầu tư phát triển								1,00		0,69
3	LNST còn lại sau khi trích các quỹ		0,46		5,54		6,51		8,94		7,10
4	Chi cổ tức	Không chia		2%	5,29	2%	5,29	3%	7,93	2,5%	6,61
5	Lợi nhuận giữ lại chuyển năm sau		1,38		0,25		1,22		1,00		0,48

5. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù đạt được nhiều kết quả khả quan như trên, song hoạt động SXKD giai đoạn 2020-2025 của PVOIL Hà Nội vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Mặc dù tổng sản lượng cả giai đoạn của đơn vị có sự bứt phá và vượt kế hoạch song tỷ trọng các kênh bán lẻ và bán KHCN còn chưa đạt như kỳ vọng.

- Công tác đầu tư phát triển mạng lưới cửa hàng xăng dầu chưa đạt kế hoạch.
- Do thủ tục hành chính về đất đai phức tạp nên công tác chuyển quyền sở hữu đất đai, tài sản cho các CHXD trên hệ thống chưa được hoàn thành dứt điểm.

PHẦN II

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2025-2030

I. Đặc điểm tình hình giai đoạn 2025-2030

Theo dự báo của các tổ chức, giai đoạn 2025-2030 sẽ tiếp tục là một giai đoạn có nhiều biến động đối với kinh tế chính trị toàn cầu. Những ảnh hưởng hậu đại dịch Covid-19 cùng với những xung đột, căng thẳng chính trị leo thang và xu hướng phân mảnh kinh tế sẽ tạo ra một bức tranh kinh tế phức tạp và khó đoán định, đặt ra thách thức đáng kể cho tăng trưởng và hợp tác toàn cầu. Việc các quốc gia ngày càng áp đặt nhiều hàng rào thương mại, hạn chế đầu tư và theo đuổi chính sách bảo hộ có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng, suy giảm thương mại toàn cầu và kìm hãm tăng trưởng. Riêng với thị trường dầu mỏ thế giới, Cơ quan Năng lượng quốc tế đã có dự báo về việc nhu cầu dầu tăng trưởng chậm đối lập với nguồn cung tăng mạnh sẽ ảnh hưởng đến diễn biến giá giai đoạn sắp tới.

Tại thị trường trong nước, mặc dù nền kinh tế Việt Nam có xu hướng phục hồi tích cực với mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân từ 7,5-8,5%/năm trong giai đoạn 2025-2030 song cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Chủ trương điều hành của Chính phủ đối với thị trường kinh doanh xăng dầu trong nước được dự báo sẽ tiếp tục trên nguyên tắc đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh năng lượng quốc gia và nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng có nhiều yêu cầu các doanh nghiệp trong ngành phải đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội chung trong thời gian tới, đặt ra thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nói chung và PVOIL Hà Nội nói riêng.

II. Định hướng hoạt động của HĐQT giai đoạn 2025-2030

Trên cơ sở nhận định tình hình, để vượt qua khó khăn, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ, kế hoạch nhiệm kỳ 2025-2030, HĐQT Công ty định hướng kế hoạch hoạt động với các nhiệm vụ trọng tâm trong như sau:

1. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành, công tác phối hợp giữa các thành viên HĐQT. Thường xuyên giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

2. Nâng cao khối đoàn kết nội bộ và chất lượng phối hợp 3 bên giữa Đảng ủy – HĐQT – Ban điều hành nhằm phát huy tối đa sức mạnh tập thể, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong mọi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo; giải quyết nhanh chóng, kịp thời mọi đề xuất, kiến nghị của Ban điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất phát triển hoạt động SXKD của đơn vị.

3. Tiếp tục duy trì việc tổ chức định kỳ các cuộc họp HĐQT, tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban tháng/quý với Ban điều hành, kịp thời giám sát, nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và xây dựng các giải pháp định hướng, chỉ đạo Ban điều hành nâng cao hiệu quả SXKD nhằm hoàn thành tốt nhất mọi chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh hàng năm.

4. Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nâng cao tính chủ động, trách nhiệm, chất lượng quản lý và điều hành, tập trung mọi nguồn lực nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của đơn vị, cụ thể như sau:

- Đối với công tác kinh doanh:

+ Xây dựng chính sách bán hàng của đơn vị phù hợp với chính sách chung của Tổng công ty và tình hình kinh doanh của đơn vị để đảm bảo kinh doanh an toàn, hiệu quả, tuân thủ các quy định của Tổng công ty, của Nhà nước về kinh doanh xăng dầu, trong đó đặc biệt lưu ý công tác chuyển đổi hạ tầng đáp ứng yêu cầu quản trị, quản lý điều hành và triển khai các phương thức kinh doanh mới phù hợp với xu thế chuyển đổi số và chuyển dịch năng lượng để tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.

+ Tổ chức kinh doanh xăng dầu theo địa bàn được phân công, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Tổng công ty giao. Giữ ổn định thị phần và duy trì tốc độ phát triển sản lượng phù hợp với tăng trưởng chung của thị trường được phân công.

+ Đảm bảo ổn định sản lượng tiêu thụ, kinh doanh có hiệu quả và an toàn về vốn, sản lượng kế hoạch cả giai đoạn 2025 – 2029 phần đầu đạt 2.850.000 m³ (bình quân 570.000 m³/năm), tiếp tục là đơn vị dẫn đầu của Tổng công ty về sản lượng kinh doanh, giữ ổn định thị phần, trong đó nỗ lực nâng cao tỷ trọng các kênh trực tiếp với mục tiêu tỷ trọng bán lẻ qua CHXD chiếm khoảng 22%-24%; tỷ trọng bán khách hàng công nghiệp khoảng 16%-18%; tích cực triển khai tốt các hoạt động bán hàng qua chương trình PVOIL Mobile và duy trì vị trí đứng đầu Tổng công ty với kênh bán hàng PVOIL Easy.

+ Nâng cao sản lượng kinh doanh tại các chi nhánh, đồng thời khai thác tối đa hiệu quả kho xăng dầu Bắc Giang và hệ thống phương tiện vận tải xăng dầu nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng, tăng tính cạnh tranh và tiết giảm chi phí.

+ Tiếp tục nghiên cứu, đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh dịch vụ phụ trợ tại các CHXD trực thuộc. Phối hợp với TCT và các đơn vị thành viên xem xét phương án mở rộng hoạt động chuỗi PVMart trên toàn hệ thống CHXD của PVOIL, khảo sát phân tích chặt chẽ các phương án kinh doanh để đảm bảo hiệu quả khi triển khai.

- Đối với công tác quản trị doanh nghiệp:

+ Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác quản lý toàn diện mọi mặt hoạt động của các CHXD trực thuộc và Kho xăng dầu, thực hiện nghiêm túc các tiêu chí của Đề án 1114 về nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và Đề án

808 về đánh giá chất lượng dịch vụ Kho xăng dầu, nâng cao chất lượng phối hợp giữa các phòng chức năng và chi nhánh trong kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời những rủi ro, sai phạm có thể phát sinh tại khối CHXD và Kho xăng dầu.

- + Nâng cao chất lượng công tác đào tạo và phát triển đội ngũ nguồn nhân lực, đẩy mạnh việc khoán lương và phân phối quỹ lương, quỹ thưởng theo kết quả thực hiện.

- + Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quản lý nội bộ cho phù hợp với thực tiễn, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và phục vụ tốt nhất hoạt động quản lý điều hành tại đơn vị.

- + Ứng dụng hiệu quả hệ thống Công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi số phù hợp lộ trình chung của Tổng công ty.

- + Xây dựng các phương án huy động và sử dụng vốn cho đầu tư và kinh doanh tối ưu nhất, đồng thời tăng cường các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả SXKD của đơn vị hàng năm.

- + Rà soát tổng thể công tác chuyển quyền sở hữu đất và tài sản của các CHXD, xây dựng phương án, lộ trình thực hiện phù hợp với đặc thù từng địa phương và quyết tâm hoàn thành dứt điểm trong giai đoạn 2025-2030.

- + Nâng cao chất lượng báo cáo, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản trị và công tác xây dựng kế hoạch sát với thực tế.

- **Đối với công tác quản trị rủi ro:** Tuyệt đối không để phát sinh nợ xấu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu. Nâng cao chất lượng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và giám sát, trong đó đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra đột xuất hoạt động kinh doanh tại các CHXD và Kho xăng dầu trong toàn hệ thống nhằm đảm bảo hoạt động của các cửa hàng và Kho an toàn, hiệu quả.

- **Đối với công tác đầu tư phát triển hệ thống:**

- + Phát triển thêm 15-20 cửa hàng xăng dầu bằng các hình thức đầu tư mới, mua lại, liên doanh, liên kết, thuê lại... tại các vùng thị trường được phân công.

- + Tính toán phương án tối ưu hóa hiệu quả vận hành Kho xăng dầu Bắc Giang.

- + Thường xuyên tiến hành rà soát, kiểm tra, duy tu, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất, đảm bảo an toàn PCCC và phục vụ tốt nhất kinh doanh tại kho xăng dầu và hệ thống CHXD.

Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh khó khăn, Công ty quyết tâm đảm bảo giữ vững ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, hài hòa lợi ích của các cổ đông với mục tiêu phát triển Công ty an toàn - hiệu quả.

Trước những khó khăn, thách thức trong giai đoạn mới, để hoàn thành kế hoạch được giao, HĐQT đề nghị tập thể người lao động Công ty hết sức nỗ lực, đoàn kết, thống nhất và phát huy sáng kiến phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch giai

đoạn 2025-2030 và các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đặt ra, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho tập thể người lao động và đem lại giá trị gia tăng cho các cổ đông của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2020-2025 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030 của Hội đồng quản trị Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội. Rất mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên; *W*
- TV.HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.LTH.01b. *W*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *W*
CHỦ TỊCH



Hoàng Đình Tùng



3.2. BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hà Nội, tháng 4/2025

Số: ~~1079~~/XDHN-BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PVOIL Hà Nội) xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 như sau:

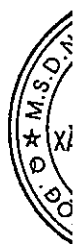
PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

I. Đặc điểm tình hình năm 2024

1. Tình hình thị trường kinh doanh xăng dầu

Giá dầu thế giới năm 2024 có những biến động khó lường, tăng/giảm đan xen với biên độ lớn do chịu tác động bởi các bất ổn địa chính trị: xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine; xung đột tại dải Gaza; Cam kết giảm sản lượng của các nước OPEC+; Áp lực tăng giá của đồng USD, tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu phục hồi chậm, chưa vững chắc đặc biệt là tăng trưởng kinh tế yếu kém của Trung Quốc...

Ở trong nước, thuế BVMT các loại xăng dầu tiếp tục được giữ nguyên ở mức 1.000 đ/l đến 2.000 đ/l theo Nghị quyết số 42/2023/UBTVQH15 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Quốc hội. Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ban hành ngày 17/11/2023 của Chính phủ giúp minh bạch hóa và tăng tính cạnh tranh lành mạnh cho thị trường trong nước. Quy định đảm bảo dự trữ lưu thông tối thiểu 20 ngày và rút ngắn kỳ điều hành giá xuống còn 7 ngày vừa giúp giá xăng dầu trong nước cơ bản bám sát diễn biến giá thế giới tuy nhiên cũng gây áp lực rất lớn cho doanh nghiệp dầu mỡ kinh doanh xăng dầu khi giá dầu thế giới biến động nhanh với biên độ lớn.



Bên cạnh đó, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về việc phát hành hóa đơn điện tử theo từng lần giao dịch tại CHXD cũng đã có tác động lớn tới thị trường, chi phí đầu tư nâng cấp để đáp ứng yêu cầu cũng phát sinh tăng. Đặc biệt trong năm 2024, hoạt động SXKD còn bị ảnh hưởng do diễn biến bất lợi của thời tiết gây ra bởi cơn bão số 3 (Yagi) khiến nhiều địa phương phía Bắc chịu thiệt hại nặng nề.

2. Tình hình nhân sự của HĐQT năm 2024

Năm 2024, Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội duy trì hoạt động với cơ cấu nhân sự bao gồm 5 thành viên, tuy nhiên có một số thay đổi và bầu bổ sung nhân sự như sau:

- Ngày 17/4/2024: Miễn nhiệm Ông Hoàng Minh Thái – Thành viên HĐQT và bầu bổ sung Bà Đào Hồng Ngọc thay thế cho Ông Hoàng Minh Thái (Người đại diện phần vốn của Oceanbank – nay là MBV).

- Ngày 20/12/2024: Miễn nhiệm Ông Vũ Hoài Lam – Chủ tịch HĐQT chuyển công tác và bầu bổ sung Ông Hoàng Đình Tùng giữ chức Thành viên HĐQT thay thế Ông Vũ Hoài Lam. Ngay sau đó, ngày 23/12/2024, HĐQT đã họp thống nhất bầu Ông Hoàng Đình Tùng giữ chức Chủ tịch HĐQT (Người đại diện phần vốn của PVOIL).

- Ngày 28/12/2024: Miễn nhiệm Ông Trần Mạnh Hà – Thành viên HĐQT chuyển công tác và bầu bổ sung Ông Nguyễn Hoàng Phúc thay thế cho Ông Trần Mạnh Hà (Người đại diện phần vốn của PVOIL).

Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, HĐQT luôn thực hiện theo đúng phân công nhiệm vụ và có sự trao đổi, thống nhất trong phương thức hoạt động đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó. Tại các thời điểm có thay đổi thành viên HĐQT, HĐQT Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng đối với từng thành viên và có sự trao đổi, thống nhất trong phương thức hoạt động, chỉ đạo, điều hành.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024

1. Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn, Tổng công ty và triển khai Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2024

HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn và Tổng công ty, đồng thời triển khai thực các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024. HĐQT đã ban hành 50 Nghị quyết, Quyết định trong năm để chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ xuống đến đơn vị. Bên cạnh đó, HĐQT cũng tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng/quý và đưa ra ý kiến nhận xét, đánh giá, định hướng hoạt động đối với hoạt động SXKD của đơn vị.

2. Đánh giá công tác tổ chức các cuộc họp định kỳ của HĐQT

Bên cạnh việc thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng/quý với Ban điều hành Công ty, HĐQT đã tổ chức họp định kỳ hàng quý và họp đột xuất để xem xét các kiến nghị, đề xuất của Ban điều hành. Các vấn đề lớn, quan trọng đã được HĐQT phê duyệt thông qua trong năm trên cơ sở đề xuất của Ban điều hành và ý kiến của các thành viên HĐQT bao gồm:

- Phê duyệt chủ trương bổ sung kế hoạch chi phí và kế hoạch đầu tư cải tạo sửa chữa năm 2024 của PVOIL Hà Nội;

- Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên;

- Thông qua kế hoạch định biên lao động năm 2024;

- Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2023 và xây dựng đơn giá lương, quỹ lương của cán bộ quản lý và Người lao động PVOIL Hà Nội năm 2024; Phê duyệt chi thưởng cán bộ quản lý và tập thể cá nhân có thành tích tốt năm 2023 và Quý I/2024;

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2024; chi trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông Công ty;

- Thông qua nội dung điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Kho xăng dầu Bắc Giang.

- Thông qua sửa đổi các quy chế quản lý và các nội dung bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ; trình ĐHĐCĐ phê duyệt miễn nhiệm/ bầu bổ sung thành viên HĐQT.

3. Công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của HĐQT với Ban điều hành và các tổ chức đoàn thể

a. Đối với Ban điều hành

Theo phân công công việc, từng thành viên HĐQT đã phối hợp, chỉ đạo và định hướng cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo từng lĩnh vực trong hoạt động SXKD đảm bảo tuân thủ đúng quy chế, quy định quản lý của Tổng công ty và Công ty.

Trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động SXKD, Ban điều hành đã triển khai nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành trong năm, đồng thời thực hiện tốt vai trò tham mưu cho các quyết sách của HĐQT. Các thành viên Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ và sâu sát trong chỉ đạo, đảm bảo hoạt động SXKD của đơn vị thông suốt và hiệu quả.

b. Đối với Ban kiểm soát

HQĐT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Hàng tháng, Ban kiểm soát đều duy trì báo cáo đánh giá hoạt động của Ban điều hành đồng thời đưa ra các cảnh báo rủi ro trong hoạt động SXKD của đơn vị để Ban điều hành có biện pháp khắc phục, phòng ngừa phù hợp.

c. Đối với các tổ chức đoàn thể

HDQT luôn tuân thủ đúng quy chế phối hợp với Đảng, quy chế phân cấp trong quản lý cán bộ, thực hiện rà soát, đánh giá cán bộ, bổ nhiệm/ bổ nhiệm lại cán bộ trong phạm vi phân cấp. Đối với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, HDQT luôn quan tâm, tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể hoạt động tốt, chăm lo, động viên khích lệ đời sống CBCNV Công ty. Trong năm, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Công ty đều hoàn thành việc xây dựng chương trình hành động, chương trình công tác năm 2024, phát động phong trào thi đua gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác an sinh xã hội, tham gia các chương trình Hội thao ngành dầu khí, PVOIL Run, phát động ủng hộ đồng bào sau cơn bão số 3...

4. Đánh giá tình hình hoạt động của PVOIL Hà Nội trong năm tài chính 2024

Bảng các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2024:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	So với KH năm 2024
1	2	3	4	5	6=5/4
I	Sản lượng tiêu thụ				
1	Xăng dầu	Nghìn m ³ /tấn	492,00	547,19	111,22%
2	Dầu mỡ nhờn	lít	86.000	91.359	106,23%
II	Các chỉ tiêu kinh tế				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.594,60	9.125,86	120,16%
2	Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	253,80	269,25	106,09%
	Chi phí đồng/lít	Đồng/lít	504,47	484,77	96,16%
3	Lợi nhuận TT	Tỷ đồng	14,00	17,24	123,14%
4	Các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	773,27	883,09	114,20%
III	Chỉ tiêu đầu tư				
1	CHXD	CH	3	4	133,33%
IV	Chỉ tiêu lao động				
1	Định biên lao động	Người	459	454	98,91%
2	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu đồng	16,80	21,24	126,19%

4.1. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh

HDQT đã phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2024 và bổ sung kế hoạch chi phí, kế hoạch đầu tư cải tạo sửa chữa vào kế hoạch SXKD của PVOIL Hà Nội, đồng thời thực hiện báo cáo các chỉ tiêu kế hoạch chính tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch giao nội bộ và chủ động, sát sao chỉ đạo các đơn vị triển khai cụ thể nhiệm vụ trên từng lĩnh vực.

a. Về kinh doanh xăng dầu

- Năm 2024, PVOIL Hà Nội tiếp tục giữ vững vị thế là đơn vị phân phối hàng đầu của PVOIL, triển khai tốt các hoạt động kinh doanh theo chính sách bán hàng và công nợ của Tổng công ty, đảm bảo an toàn nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Khai thác linh hoạt và có hiệu quả nguồn hàng mua ngoài bổ sung (ngoài nguồn mua của TCT), nâng cao uy tín thương hiệu PVOIL đối với khách hàng.

- Đơn vị hoàn thành chỉ tiêu sản lượng bán hàng thực hiện năm 2024 cao nhất từ trước đến nay, đạt 547,19 nghìn m³/tấn, bằng 111,2% kế hoạch TCT giao (492,0 nghìn m³), tăng 3,9% so với năm 2023 (526,9 nghìn m³), trung bình 45,6 nghìn m³/tháng. Đảm bảo hiệu quả kinh doanh tốt trong điều kiện bối cảnh thị trường khó khăn với lợi nhuận đạt 17,24 tỷ đồng, bằng 123,14% kế hoạch.

- Hệ thống phân phối được duy trì ổn định, tỷ trọng kênh KHCN và bán lẻ chiếm gần 40% tổng tỷ trọng. Đơn vị tham gia và trúng nhiều gói thầu quan trọng với nhiều khách hàng trong ngành Than, Điện, Đường sắt...

- Sản lượng bán hàng theo kênh phân phối như sau:

STT	Kênh BH	KH 2024		TH 2024		TH/ KH 2024
		Sản lượng (nghìn m ³)	Tỷ trọng	Sản lượng (nghìn m ³)	Tỷ trọng	
1	TNPP/TNNQ/ĐL	272,00	55,30%	331,17	60,52%	121,80%
2	KHCN và mua bán	103,00	20,90%	89,96	16,44%	87,30%
3	CHXD	117,00	23,80%	126,06	23,04%	107,70%
Tổng cộng		492,00	100,00%	547,19	100,00%	111,20%

** Sản lượng trên không bao gồm sản lượng DMN*

Về phát triển hệ thống khách hàng, đơn vị đã rất nỗ lực cố gắng trong công tác thị trường để duy trì khách hàng truyền thống, tận dụng mọi cơ hội tiếp cận và mở rộng khách hàng tiềm năng. Tính tới cuối năm 2024, PVOIL Hà Nội có 173 khách hàng lớn, trong đó có 46 TNPP, 75 Đại lý/TNNQ, 52 khách hàng công nghiệp và tiêu thụ trực tiếp. Hoàn thành kế hoạch phát triển khách hàng bán buôn mới.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu truyền thống, PVOIL Hà Nội cũng tích cực triển khai bán hàng bằng xe PVOIL Mobile, chương trình PVOIL Easy tích hợp với nhiều hình thức thanh toán điện tử (Got it, Vietcombank, ViettelPay, Ví MOMO...), triển khai mạnh mẽ chương trình PVOIL4U với PVCombank, MB Bank, HD Bank đạt hiệu quả cao. Sản lượng PVOIL Easy năm 2024 đơn vị đạt 40.235 m³, tương đương 111% KH năm (36.300 m³), bình quân đạt 3.353 m³/tháng, tăng 18% so với sản lượng bình quân năm 2023 (2.846 m³).

b. Các hoạt động kinh doanh khác (ngoài xăng dầu)

- Dầu mỡ nhờn: Sản lượng Dầu mỡ nhờn tiêu thụ năm 2024 là 91.359 lít, đạt 106,23% so với KH, doanh thu DMN đạt 5,3 tỷ đồng.

- Kinh doanh khác: Với việc nỗ lực đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh khác ngoài xăng dầu, đến hết năm 2024, doanh thu từ kinh doanh khác của đơn vị đạt 25 tỷ đồng – mức cao nhất từ trước tới nay, trong đó: cho thuê mặt bằng đạt 4,03 tỷ đồng; trạm sạc Vgreen đạt 5,6 tỷ đồng (tại 27 CHXD); doanh thu từ PVMart 8,8 tỷ đồng; cho thuê địa điểm đặt biển quảng cáo 6 tỷ đồng (Các đối tác cho thuê quảng cáo: Tổng công ty Điện lực Dầu khí (PVPower), Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR), Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo), Tổng công ty Khí Việt Nam (PVGas), Tổng công ty Vận tải Dầu khí (PVTrans); còn lại doanh thu từ bán bảo hiểm, PVOIL Care...

4.2. Về công tác đầu tư, phát triển hệ thống

a. Về đầu tư hệ thống kho bể tồn chứa

Năm 2024, Công ty tiếp tục chú trọng thực hiện tốt công tác quản lý giám sát, đảm bảo Kho Bắc Giang luôn được vận hành khai thác an toàn, hiệu quả. Công tác dịch vụ, phục vụ khách hàng tại Kho được duy trì chuẩn hóa, chuyên nghiệp thông qua việc thực hiện tốt Đề án 808. Ngoài ra, đơn vị cũng hoàn thành công tác thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Dự án cải tạo, nâng cấp khu bể 300 m³ tại Kho.

b. Về phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu

Với nỗ lực khảo sát, tìm kiếm và phân tích đánh giá tính khả thi của rất nhiều cơ hội đầu tư trong năm, đơn vị đã hoàn thành thuê dài hạn 04 CHXD, đạt 133% kế hoạch đầu tư phát triển được giao (03 CHXD), bao gồm: CHXD Việt Yên – Bắc Giang, CHXD Lương Sơn – Hòa Bình, CHXD Thuận Hòa – Hà Giang, CHXD Lục Nam - Bắc Giang.

Bên cạnh đó, đơn vị cũng luôn chú trọng triển khai tốt Đề án 1114 về nâng cao chất lượng phục vụ tại các CHXD và được Tổng công ty đánh giá cao về chất lượng triển khai.

c. Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư mua sắm

Đơn vị đã thực hiện công tác sửa chữa khắc phục thiệt hại sau bão số 3 tại Kho và các CHXD, hoàn thành đầu tư cải tạo sửa chữa một số CHXD trong hệ thống theo kế hoạch được phê duyệt, lắp đặt 28 cột bơm mới cho 10 cửa hàng và 01 xe 6m³ góp phần thúc đẩy gia tăng sản lượng bán lẻ; đầu tư hệ thống xuất hóa đơn theo từng lần bán hàng cho toàn bộ hệ thống CHXD và xây dựng phương án triển khai hiện đại hóa cột bơm.

d. Về hoàn thiện thủ tục pháp lý CHXD

Năm 2024 đơn vị đã hoàn thành việc đăng ký tài sản trên đất cho CHXD Tân Sơn và thực hiện công tác chuẩn bị hồ sơ để đăng ký tài sản trên đất CHXD Cao Ngạn, Lập Thạch báo cáo cơ quan chức năng phê duyệt.

4.3. Về công tác quản lý rủi ro và xử lý công nợ xấu

HDQT luôn chú trọng tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo việc quản lý rủi ro, xử lý nợ xấu và ngăn chặn nợ quá hạn phát sinh. Trong giai đoạn vừa qua, Công ty

thường xuyên rà soát công nợ khách hàng bán buôn, bán lẻ có khả năng phát sinh rủi ro để kịp thời cảnh báo và có biện pháp phòng ngừa phù hợp, công nợ phải thu, công nợ phải trả đều đảm bảo đúng hạn mức phê duyệt và được Tổng công ty đánh giá cao.

4.4. Về công tác quản trị doanh nghiệp

Năm 2024, HĐQT đã tập trung chỉ đạo tốt công tác quản trị tại đơn vị, kết quả thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- HĐQT đã phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2024, bổ sung kế hoạch chi phí và kế hoạch đầu tư cải tạo sửa chữa của PVOIL Hà Nội, đồng thời chỉ đạo Ban điều hành triển khai giao kế hoạch đến từng đơn vị gắn liền với việc kiểm tra, giám sát nhằm hoàn thành tốt nhất chỉ tiêu, kế hoạch của toàn đơn vị.

- Đối với lĩnh vực công tác cán bộ, HĐQT tuân thủ đúng quy chế phối hợp với Đảng, quy chế phân cấp trong quản lý cán bộ, thực hiện rà soát đánh giá các cán bộ trong phạm vi phân cấp quản lý của HĐQT. HĐQT đã phê duyệt kế hoạch định biên lao động năm 2024 và ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của đơn vị. Đối với công tác miễn nhiệm/ bầu bổ sung thành viên HĐQT, HĐQT đã thực hiện thủ tục báo cáo xin phê duyệt của ĐHĐCĐ theo đúng quy định.

- Các công tác đào tạo nội bộ và bên ngoài năm 2024 cũng được HĐQT quan tâm, chỉ đạo sát sao nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đơn vị.

- HĐQT chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục rà soát tổng thể để điều chỉnh bổ sung các văn bản quản lý phục vụ tốt nhất cho hoạt động SXKD, thực hiện đánh giá cấp giấy chứng nhận tích hợp 3 tiêu chuẩn ISO 9001, 14001 và 45001 cho đơn vị.

- Chỉ đạo Ban điều hành quyết toán quỹ tiền lương của cán bộ quản lý và Người lao động PVOIL Hà Nội năm 2023; xây dựng đơn giá và kế hoạch quỹ lương 2024.

- Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024 và thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành phối hợp đối tác xây dựng lộ trình chuyển đổi số theo chủ trương của Tổng công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành kịp thời thực hiện các công tác phòng chống và ứng phó với cơn bão số 3 đảm bảo an toàn về người và tài sản.

- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thành công các sự kiện của Công ty và tích cực phối hợp với các tổ chức đoàn thể tham gia các phong trào ngành và Tổng công ty phát động.

4.5. Tồn tại, hạn chế

- Mặc dù tổng sản lượng toàn đơn vị đạt mức cao nhất từ trước tới nay nhưng sản lượng bán KHCN còn hạn chế và chưa đạt kế hoạch được giao do sự cạnh tranh khốc liệt từ các Thương nhân xăng dầu khác trên thị trường.

- Công tác đăng ký tài sản trên đất, chuyển quyền sở hữu, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của một số CHXD chưa hoàn thành dứt điểm do những vướng mắc về hồ sơ pháp lý có tính lịch sử.

4.6. Về phân chia lợi nhuận năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Giá trị
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 trước khi trích lập các quỹ tính đến hết 31/12/2024		11.574.927.504
2	Trích lập quỹ	47,34%	5.479.099.951
-	Quỹ khen thưởng	5,00%	578.746.375
-	Quỹ thưởng cán bộ quản lý (trương đương 1 tháng lương)	5,34%	617.630.400
-	Quỹ phúc lợi	31,00%	3.588.227.526
-	Quỹ đầu tư phát triển	6,00%	694.495.650
3	Lợi nhuận năm 2024 còn lại trước khi chia cổ tức (3=1-2)		6.095.827.553
4	Lợi nhuận còn lại năm 2023		1.005.752.535
5	Tổng lợi nhuận năm 2023 +2024 còn lại trước chi cổ tức		7.101.580.088
6	Chi cổ tức	2,50%	6.614.102.500
7	Lợi nhuận còn lại sau chi cổ tức (7=5-6)		487.477.588

PHẦN II ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA HĐQT

I. Dự báo đặc điểm tình hình năm 2025

Năm 2025, giá dầu thế giới được dự báo tiếp tục diễn biến khó lường do: (i) rủi ro địa chính trị như xung đột Nga -Ukraine, Trung Đông; (ii) chính sách điều hành kinh tế dưới thời Tổng thống Mỹ Donald Trump tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường, rủi ro thương chiến tăng cao; (iii) Chính sách sản lượng của OPEC+; (iv) sự phục hồi kinh tế thế giới, “sức khỏe” của các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, chính sách lãi suất của các Ngân hàng trung ương; (v) xu hướng chuyển đổi sang nhiên liệu sạch.... Dự báo giá xăng dầu thế giới ở mức trung bình từ 70-80 USD/thùng trong năm 2025 trong trường hợp không có những cú sốc nghiêm trọng.

Đối với thị trường trong nước, nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi song vẫn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, Chính phủ quyết tâm đạt ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 tối thiểu 8% để tạo đà tăng trưởng 2 con số trong những năm tiếp theo. Thị trường kinh doanh xăng dầu trong nước được dự báo sẽ tiếp tục cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt là trong kênh bán buôn và bán khách hàng công nghiệp. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng đang dự thảo để ban hành Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu thay thế cho Nghị định 83/2014/NĐ-CP và các Nghị định sửa đổi

bổ sung. Điều này cũng sẽ tác động lớn đến hoạt động SXKD của các đơn vị trong ngành nói chung và PVOIL Hà Nội nói riêng.

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2024 và nhận định tình hình thị trường như trên, để vượt qua khó khăn, phân đấu hoàn thành các nhiệm vụ, kế hoạch năm 2025, HĐQT Công ty định hướng kế hoạch hoạt động với các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025 như sau:

1. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành, công tác phối hợp giữa các thành viên HĐQT. Thường xuyên giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025.

2. Nâng cao khối đoàn kết nội bộ và chất lượng phối hợp 3 bên giữa Đảng ủy – HĐQT – Ban điều hành nhằm phát huy tối đa sức mạnh tập thể, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong mọi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo; giải quyết nhanh chóng, kịp thời mọi đề xuất, kiến nghị của Ban điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất phát triển hoạt động SXKD của đơn vị.

3. Tiếp tục duy trì việc tổ chức định kỳ các cuộc họp HĐQT, tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban tháng/quý với Ban điều hành, kịp thời giám sát, nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và xây dựng các giải pháp định hướng, chỉ đạo Ban điều hành nâng cao hiệu quả SXKD nhằm hoàn thành tốt nhất mọi chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh năm 2025.

4. Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nâng cao tính chủ động, trách nhiệm, chất lượng quản lý và điều hành, tập trung mọi nguồn lực nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD toàn đơn, cụ thể như sau:

- Đối với công tác kinh doanh:

+ Xây dựng chính sách bán hàng của đơn vị phù hợp với chính sách chung của Tổng công ty và tình hình kinh doanh của đơn vị để đảm bảo kinh doanh an toàn, hiệu quả, tuân thủ các quy định của Tổng công ty, của Nhà nước về kinh doanh xăng dầu.

+ Tổ chức kinh doanh xăng dầu theo địa bàn được phân công, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Tổng công ty giao. Giữ ổn định thị phần và duy trì tốc độ phát triển sản lượng phù hợp với tăng trưởng chung của thị trường được phân công.

+ Đảm bảo ổn định sản lượng tiêu thụ, kinh doanh có hiệu quả và an toàn về vốn, sản lượng xăng dầu kế hoạch năm 2025 là 520.000 m³, trong đó nguồn hàng mua của TCT từ 95% -100%; tập trung phát triển các vùng thị trường được phân công theo hướng hiệu quả bền vững; tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối trong đó gia tăng tỷ trọng tiêu thụ trực tiếp với mục tiêu tỷ trọng bán lẻ và bán kênh khách hàng công nghiệp trên 41,5%; đẩy mạnh triển khai các phương thức bán hàng mới như PVOIL

Easy, PVOIL B2B, ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý hoạt động kinh doanh tại Đơn vị, phấn đấu đạt kế hoạch sản lượng PVOIL Easy TCT giao (42.000 m³), sản lượng dầu mỡ nhờn TCT giao (86.000 lít);

+ Nâng cao sản lượng kinh doanh tại các chi nhánh, đồng thời khai thác tối đa hiệu quả kho xăng dầu Bắc Giang và hệ thống phương tiện vận tải xăng dầu nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng, tăng tính cạnh tranh và tiết giảm chi phí.

+ Tiếp tục triển khai, mở rộng các dịch vụ khác tại CHXD, đặc biệt là mở rộng hợp tác với Vinfast triển khai Vgreen trong toàn hệ thống; chú trọng công tác chuẩn hóa và chuyên nghiệp trong quản lý và vận hành chuỗi Cửa hàng tiện ích PVMart, sẵn sàng cho kế hoạch lan tỏa rộng hơn nữa.

+ Giao kế hoạch SXKD năm 2025 của PVOIL Hà Nội với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH 2024	TH 2024		KH 2025
				Giá trị	%TH/KH	
1	Sản lượng xăng dầu	M ³	492.000	547.192	111,22%	520.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	7.594,60	9.125,86	120,16%	7.943
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,00	17,24	123,14%	14,50

- Đối với công tác quản trị doanh nghiệp:

+ Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý của Công ty từ khối văn phòng đến các chi nhánh và CHXD trực thuộc.

+ Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác quản lý toàn diện mọi mặt hoạt động của các CHXD trực thuộc và Kho xăng dầu, thực hiện nghiêm túc các tiêu chí của Đề án 1114 về nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và Đề án 808 về đánh giá chất lượng dịch vụ Kho xăng dầu, nâng cao chất lượng phối hợp giữa các phòng chức năng và chi nhánh trong kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời những rủi ro, sai phạm có thể phát sinh tại tại khối CHXD và Kho xăng dầu.

+ Nâng cao chất lượng công tác đào tạo và phát triển đội ngũ nguồn nhân lực, đẩy mạnh việc khoán lương và phân phối quỹ lương, quỹ thưởng theo kết quả thực hiện.

+ Tiếp tục rà soát tổng thể và sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quản lý nội bộ cho phù hợp với thực tiễn và phục vụ tốt nhất hoạt động quản lý điều hành tại đơn vị.

+ Ứng dụng hiệu quả hệ thống Công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, kinh doanh của đơn vị. Triển khai chuyển đổi số trên toàn hệ thống theo phương án/ kế hoạch được phê duyệt.

+ Xây dựng các phương án huy động và sử dụng vốn cho đầu tư và kinh doanh tối ưu nhất, đồng thời tăng cường các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả SXKD của đơn vị trong năm 2025.

+ Nâng cao chất lượng báo cáo, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản trị và công tác xây dựng kế hoạch sát với thực tế.

+ Tổ chức thành công các sự kiện lớn của Công ty, đặc biệt là chương trình kỷ niệm 15 năm ngày thành lập PVOIL Hà Nội.

- **Đối với công tác quản trị rủi ro:** Tuyệt đối không để phát sinh nợ xấu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu. Nâng cao chất lượng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và giám sát hoạt động kinh doanh, trong đó đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra đột xuất tại các CHXD và Kho xăng dầu trong toàn hệ thống, đảm bảo hoạt động của các cửa hàng và Kho an toàn, hiệu quả.

- **Đối với công tác đầu tư, phát triển hệ thống:**

+ Tập trung toàn lực cho công tác phát triển hệ thống CHXD dưới nhiều hình thức với mục tiêu đầu tư phát triển mới ít nhất 05 CHXD tại các vùng thị trường trọng điểm là Hà Nội và các tỉnh lân cận, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của dự án

+ Tiếp tục triển khai các dự án sửa chữa lớn trong hệ thống chuyển tiếp từ năm 2024; thực hiện quy hoạch và cải tạo hoặc xây dựng mới một số văn phòng chi nhánh và CHXD như văn phòng CN Thái Nguyên, văn phòng CN Hòa Bình, CHXD Xuân Giao, Xuân Giang, Minh Tân, Ngọc Đường...nhằm đảm bảo mỹ quan, an toàn PCCC và góp phần nâng cao sản lượng bán lẻ.

+ Xây dựng phương án đề xuất Tổng công ty thực hiện trang bị nhận dạng thương hiệu cho các CHXD; thực hiện thay thế hiện đại hóa một số cột bơm có thời gian sử dụng lâu, vận hành không ổn định; Lắp đặt hệ thống đo bồn tự động tại một số CHXD có sản lượng cao; lắp đặt Hệ thống chống sét lan truyền tại các CHXD/kho tại các khu vực có nguy cơ sét đánh cao.

+ Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, lắp đặt thêm server, hệ thống firewall...

+ Thường xuyên tiến hành rà soát, kiểm tra, duy tu trang thiết bị, cơ sở vật chất, đảm bảo an toàn PCCC, đáp ứng yêu cầu theo đề án 1114 và 808, phục vụ tốt nhất kinh doanh tại kho xăng dầu và hệ thống CHXD.

+ Bám sát các cơ quan chức năng để hoàn thiện dứt điểm công tác xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho CHXD và kho xăng dầu.

Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh khó khăn, Công ty quyết tâm đảm bảo giữ vững ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, hài hòa lợi ích của các cổ đông với mục tiêu phát triển Công ty an toàn - hiệu quả.

Trước những khó khăn, thách thức trong năm 2025, để hoàn thành kế hoạch được giao, HĐQT đề nghị tập thể người lao động Công ty hết sức nỗ lực, đoàn kết, thống nhất và phát huy sáng kiến phần đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 và các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đặt ra, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho tập thể người lao động và đem lại giá trị gia tăng cho các cổ đông của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội. Rất mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên; *W/mw*
- TV HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.LTH.01b. *ky*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *g*
CHỦ TỊCH



Hoàng Đình Tùng



4.1. BÁO CÁO
VỀ VIỆC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2020-2025 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
NHIỆM KỲ 2025-2030

Hà Nội, tháng 4/2025

Số: 1080/BC-BKS

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
Về việc hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025
và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội,

Ban kiểm soát PVOIL Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2020-2025

I. Tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát

1. Nhân sự của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của PVOIL Hà Nội gồm 3 thành viên, trong nhiệm kỳ có sự thay đổi một số nhân sự cụ thể như sau:

- | | |
|-------------------------|---|
| - Ông Vũ Văn Nghị | - Trưởng ban (từ T5/2020 - đến nay) |
| - Ông Đặng Tùng Sơn | - Thành viên (từ T5/2020 - đến nay) |
| - Bà Trần Thị Bích Ngọc | - Thành viên (từ T5/2020 – T4/2024) |
| - Bà Bùi Thị Hải Yến | - Thành viên (từ T4/2024 – nay, thay cho bà Trần Thị Bích Ngọc) |

Trưởng Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 Kiểm soát viên hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm. Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty, các Kiểm soát viên kiêm nhiệm nhận thù lao theo mức được HĐQT phê duyệt hằng năm.



2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ngay từ đầu Nhiệm kỳ 2020-2025 Ban Kiểm soát đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, đồng thời xây dựng bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban Kiểm soát.

- Xây dựng chương trình hoạt động và thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; Thẩm định định kỳ báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm; giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các công tác khác của Công ty.

- Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các buổi họp do HĐQT tổ chức, tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

+ Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, dịch vụ toàn Công ty thông qua các báo cáo hàng tháng, quý và năm.

+ Giám sát việc tuân thủ Quy chế, quy định nội bộ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước của HĐQT và Ban điều hành trong công tác thực hiện nhiệm vụ.

+ Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban điều hành Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp HĐQT, Ban điều hành.

+ Tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung, soát xét hệ thống tài liệu quản trị trong toàn Công ty.

+ Thẩm tra Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước.

II. Kết quả kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025

1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Các nghị quyết được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường trong nhiệm kỳ đã được thực hiện, triển khai đầy đủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật và điều lệ công ty bao gồm việc điều hành kinh doanh, đầu tư XDCB, phát triển hệ thống CHXD, mua sắm máy móc trang thiết bị, phương tiện vận tải, việc sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty; việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức hàng năm, chi trả thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát...

Về kết quả hoạt động kinh doanh 2020-2024 cụ thể như sau:

1.1. Các chỉ tiêu sản lượng bán hàng

ĐVT: nghìn m³/tấn

Kênh tiêu thụ	2020	2021	2022	2023	2024
TNPP/TNNQ/TĐL/ĐL	135.464	198.083	238.124	304.645	331.176
KHCN	100.559	103.089	113.887	109.716	89.960
CHXD	78.898	70.328	99.902	112.490	126.056
Tổng cộng	314.921	371.500	451.913	526.851	547.192

1.2. Các chỉ tiêu tài chính

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
- Doanh thu thuần	2.834,1	4.591,4	9.420,3	9.231,8	9.125,8
- Chi phí hoạt động	163,63	179,8	245,98	276,5	269,25
- Chi phí hoạt động bình quân đồng/lít	520	484	544	524,5	484,77
- Lợi nhuận trước thuế	5,67	15,37	16,18	21,14	17,24

1.3. Tình hình thực hiện đầu tư

Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên được phê duyệt, HĐQT giao nhiệm vụ, phân cấp quyết định đầu tư cho Ban điều hành trên cơ sở tuân thủ các quy định của Nhà nước, điều lệ, quy chế quy định của Công ty nhằm đảm bảo công tác ĐTXDCB thuận lợi, hiệu quả, an toàn và không vi phạm quy định của Nhà nước cũng như của Công ty. Quá trình thực tế triển khai thì HĐQT, Ban điều hành thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định, và luôn đảm bảo được tính chất kịp thời, hiệu quả và an toàn vốn.

- Về phát triển hệ thống CHXD: Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 Công ty đã phát triển thêm 18 CHXD (11 nhận chuyển nhượng/thuê dài hạn và 07 do sát nhập PVOil Hà Giang) nâng tổng số CHXD của Công ty là 56 qua đó góp phần gia tăng sản lượng kênh bán hàng bền vững và hiệu quả. Việc đầu tư thực hiện đúng và đủ theo trình tự thủ tục theo quy định. Tuy nhiên, so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua thì công tác phát triển mới CHXD năm 2020-2022 vẫn chưa đạt kế hoạch đề ra, nguyên nhân là từ việc cơ hội đầu tư không có nhiều, đại dịch Covid-19 phức tạp hoặc có thì các chỉ tiêu để chạy hiệu quả dự án không đạt yêu cầu theo quy định; năm 2023-2024 hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được thông qua.

- Về đầu tư mua sắm xe Sitec: Công ty mua mới 07 xe Sitec và 04 xe con (*thay thế 03 xe con cũ đã thanh lý*) qua đó hoàn thiện hơn hệ thống vận tải hàng hóa, phục vụ hoạt động kinh doanh góp phần hiệu quả hơn trong kinh doanh chung của Công ty.

- Công ty tiếp tục thực hiện việc nâng cấp, cải tạo sửa chữa, đầu tư máy móc thiết bị cho hệ thống CHXD, chỉnh trang nhận diện thương hiệu...vừa góp phần nâng cao sản lượng cho khối kinh doanh bán lẻ, đồng thời mở rộng và quảng bá hình ảnh, thương hiệu PVOIL trên toàn hệ thống.

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý các CHXD: Công ty tích cực tìm kiếm các giải pháp, phối hợp với các cơ quan chức năng để hoàn thiện thủ tục pháp lý cho các CHXD. Tuy nhiên, do thủ tục hành chính rườm rà, hồ sơ các tài sản phức tạp nên kết quả còn hạn chế và không đạt kỳ vọng. Tính đến hết 31/12/2024, Công ty còn 03 CHXD chưa chuyển tên QSDD sang PVOIL Hà Nội, 19 CHXD chưa được cấp giấy chứng nhận tài sản trên đất.

2. Kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành

- Ban Kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, số liệu, nội dung yêu cầu và tham dự, góp ý tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban điều hành.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường đầy đủ, kịp thời. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định phù hợp với định hướng, chiến lược, giải pháp kinh doanh của công ty, phù hợp với chủ trương chung của nhà nước và bối cảnh thị trường. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao theo đúng Điều lệ Công ty nói chung và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nói riêng. Nhìn chung, công tác quản trị của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã tuân thủ các quy định của Pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

- Đồng hành cùng HĐQT, Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị nhằm đạt được mục tiêu hàng năm của Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban điều hành đã nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của thị trường, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm quản lý chi phí, quản lý công tác nghiệp vụ, chăm sóc khách hàng, thường xuyên tổ chức các khóa học nâng cao nghiệp vụ. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, các cuộc họp tổng kết hàng năm để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, việc triển khai các dự án để xem xét các mặt tồn tại và hạn chế nhằm đưa ra các giải pháp kịp thời nhằm tháo gỡ và khắc phục.

3. Thẩm định báo cáo tài chính

Việc thẩm định báo cáo tài chính và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm đã được Ban Kiểm soát thực hiện có kế hoạch và triển khai phù hợp với chu kỳ hoạt động của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, mở sổ kế toán chi tiết, tổng hợp đúng quy định. Báo cáo tài chính của Công ty từ năm 2020 đến năm 2024 đều được kiểm toán bởi các Công ty kiểm toán đáp ứng điều kiện bắt buộc của Nhà nước và tiêu chí của Công ty. Các báo cáo

của Ban Kiểm soát đều được triển khai thực hiện sau khi thống nhất và được gửi cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2025-2030

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao, Ban kiểm soát sẽ xây dựng bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban Kiểm soát, các kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.
- Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của công ty đã ban hành.
- Xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư, quy chế trả lương và các quy chế quy định khác theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cũng như quy định pháp luật.
- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban điều hành và các phòng ban trong Công ty.
- Thẩm định BCTC, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý, 6 tháng và cả năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 và kế hoạch hoạt động năm 2025-2030.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HĐQTV (để b/c);
- KSNB TCT (để b/c);
- HĐQT, Ban GD (để p/h t/h);
- Lưu: VT, BKS, VVN.01b.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Vũ Văn Nghị





CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

4.2. BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hà Nội, tháng 4/2025

Số: ~~081~~/BC-BKS

Hà Nội, ngày ~~31~~ tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
Về việc hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024
và kế hoạch hoạt động năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội,

Ban kiểm soát PVOIL Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra giám sát, tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

PHẦN 1
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

I. Tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên năm 2024

1. Cơ cấu tổ chức, tiền lương, thù lao

Ban kiểm soát của PVOIL Hà Nội gồm 3 thành viên:

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Ông Vũ Văn Nghị | - Trưởng ban |
| 2. Ông Đặng Tùng Sơn | - Thành viên |
| 3. Bà Trần Thị Bích Ngọc | - Thành viên (từ T5/2024 – T4/2024) |
| 4. Bùi Thị Hải Yến | - Thành viên (từ T4/2024 – nay, thay cho bà Trần Thị Bích Ngọc) |

Trưởng Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 Kiểm soát viên hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm. Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty, các Kiểm soát viên kiêm nhiệm nhận thù lao theo mức được HĐQT phê duyệt hằng năm.



2. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2024, được sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty; Ban Kiểm soát Công ty đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động của Ban, cụ thể:

- Kiểm soát việc thực hiện Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty; kiểm soát tính tuân thủ các quy định của Nhà nước; quy định, quy chế nội bộ của Công ty tại các Phòng/Chi nhánh thuộc, các CHXD, Kho trực thuộc Công ty;

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty;

- Ban Kiểm soát Công ty đã triển khai thực hiện các công việc theo đúng kế hoạch đã trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;

- Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty về công tác quản trị và điều hành Công ty. Đề xuất, kiến nghị với Ban điều hành các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro trong công tác quản lý tài chính, quản lý hàng hóa...

- Thảo luận với Công ty TNHH Kiểm toán An Việt để thống nhất kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số. Các báo cáo về kết quả giám sát, kiểm tra hoạt động Công ty và các kiến nghị của BKS đối với HĐQT và Ban Điều hành đều được các thành viên BKS trao đổi, thảo luận và thống nhất.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của BKS được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua, Trưởng BKS đã phân công nhiệm vụ cho mỗi kiểm soát viên để đảm bảo hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát tự đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, cụ thể:

3.1. Ông Vũ Văn Nghị - Trưởng Ban Kiểm soát

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, Quy chế, quy định, chỉ thị của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc.

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính hàng Quý/năm.

- Thực hiện giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, việc thực hiện chính sách bán hàng, công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý hàng hóa đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước, Tổng công ty và Công ty, phát hiện và cảnh báo các rủi ro tiềm ẩn.

3.2. Ông Đặng Tùng Sơn và bà Bùi Thị Hải Yến (thay cho bà Trần Thị Bích Ngọc) – Kiểm soát viên

- Phối hợp Trưởng ban kiểm soát trong việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCD, Quy chế, quy định.

- Phối hợp Trưởng ban kiểm soát giám sát tình hình thực hiện chính sách bán hàng, công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tham gia đóng góp ý kiến, kiến nghị tới Hội đồng quản trị, Ban giám đốc thông qua Trưởng ban kiểm soát.

II. Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2024 của Ban kiểm soát

1. Đối với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc

1.1. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị

- HĐQT định hướng phát triển Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định về chủ trương chính sách về các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng thời điểm, từng giai đoạn. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đúng thẩm quyền theo Điều lệ công ty, phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Trong năm, HĐQT đã ban hành và sửa đổi bổ sung các Quy chế, Quy định cho phù hợp với yêu cầu và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh. Nội dung các quy chế, quy định do HĐQT ban hành là cụ thể hóa các quy định của Nhà nước theo điều kiện thực tế và đặc thù của đơn vị, tạo hành lang pháp lý cho các lĩnh vực và hoạt động của Công ty.

- HĐQT định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT tại các cuộc họp giao ban hàng tháng/quý của Công ty.

- HĐQT giám sát hoạt động của Công ty thông qua công tác kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ thực hiện của Ban điều hành đối với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy chế, quy định của Công ty.

1.2. Công tác điều hành của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty tuân thủ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tuân thủ các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ các qui định của Nhà nước, quy chế, quy định của Tổng công ty và Công ty.

- Ban Giám đốc thực hiện công tác điều hành theo đúng thẩm quyền và phân cấp, tuân thủ quy chế điều hành và quy chế phối hợp HĐQT - Giám đốc.

- Trong năm 2024, Giám đốc Công ty đã xây dựng và ban hành sửa đổi bổ sung các quy định, quy trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời sửa đổi bổ sung một số các quy định quy trình cho phù hợp điều kiện thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với yêu cầu quản lý và điều hành công ty, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành ổn định và an toàn.

- Hoạt động điều hành của Ban Giám đốc luôn bám sát các mục tiêu, kế hoạch được phê duyệt, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

2.1. Các chỉ tiêu sản lượng bán xăng dầu

STT	Kênh BH	ĐVT	KH 2024		TH 2024		TH/ KH 2024
			Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	
1	TNPP/TNNQ/ĐL	m ³ /tấn	272.000	55,28%	331.176	60,52%	121,8%
2	KHCN và mua bán	m ³ /tấn	103.000	20,93%	89.960	16,44%	87,3%
3	CHXD	m ³ /tấn	117.000	23,78%	126.056	23,04%	107,7%
Tổng cộng		m ³ /tấn	492.000	100%	547.192	100%	111,2%

2.2. Các chỉ tiêu tài chính

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
- Doanh thu	7.594,60	9.125,86	120,2%
- Chi phí hoạt động	253,80	269,25	106,1%
- Chi phí hoạt động bình quân đồng/lít	504,47	484,77	96,1%
- Lợi nhuận trước thuế	14,00	17,24	123,2%

3. Tình hình thực hiện đầu tư

3.1. Đầu tư phát triển hệ thống CHXD

- Trong năm 2024, Công ty đã tích cực khảo sát, tìm kiếm các cơ hội đầu tư tại các vùng thị trường được phân công, phân tích kỹ các dữ liệu đầu vào để đảm bảo tính khả thi của các dự án. Kết quả thực hiện cả năm, Công ty đã hoàn thành thuê dài hạn 04 CHXD, đạt 133% kế hoạch đầu tư năm (03 CHXD): CHXD Việt Yên – Bắc Giang, CHXD Lương Sơn – Hòa Bình, CHXD Thuận Hòa – Hà Giang và CHXD Lục Nam - Bắc Giang.

- Bên cạnh đó công ty cũng vẫn tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư tại các thị trường được phân công, làm tốt công tác khảo sát, phân tích dữ liệu để đảm bảo tính khả thi của các dự án khi được triển khai.

3.2. Đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa CHXD

- PVOIL Hà Nội đã phối hợp với TCT hoàn thành công tác sửa chữa CHXD Vĩnh Yên đúng thời hạn; thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, giám sát thi công dự án cải tạo CHXD Việt Trì;

- Hoàn thành công tác thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Dự án cải tạo, nâng cấp khu bể 300 m³ tại Kho xăng dầu Bắc Giang; Dự án sửa chữa CHXD Đội Bình, sửa chữa CHXD Đoàn Kết - Thanh Bình đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng;

- Thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư sửa chữa CHXD Hoàng Mai, CHXD Minh Khai; Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư 3 bể CHXD Xuân Giao theo phê duyệt bổ sung của TCT, Công ty;

- Phối hợp với TCT để khảo sát trang bị nhận dạng thương hiệu cho các cửa hàng xăng dầu trực thuộc cho các cửa hàng mới thuê, và các cửa hàng nhận dạng thương hiệu xuống cấp.

3.3. Công tác mua sắm máy móc, trang thiết bị

- Thực hiện việc rà soát và đánh giá hiện trạng hệ thống cột bơm của các CHXD để tiến hành đầu tư bổ sung cột bơm, đảm bảo yêu cầu kinh doanh (ưu tiên các CHXD có sản lượng lớn, kinh doanh hiệu quả). Xây dựng phương án triển khai hiện đại hóa cột bơm trên toàn hệ thống. Năm 2024 đã hoàn thành việc lắp đặt 28 cột bơm mới cho 10 CHXD và 01 xe 6m³;

- Phối hợp đầu tư hệ thống xuất hóa đơn theo từng lần bán hàng cho toàn bộ hệ thống CHXD theo quy định của Nhà nước.

3.4. Công tác hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý các CHXD

- Năm 2024 đã hoàn thành việc đăng ký tài sản trên đất cho CHXD Tân Sơn. Thực hiện công tác chuẩn bị hồ sơ để đăng ký tài sản trên đất CHXD Cao Ngạn, Lập Thạch, chờ cơ quan chức năng phê duyệt.

- Tại ngày 31/12/2024, Công ty còn 03 CHXD chưa chuyển tên QSDĐ sang PVOIL Hà Nội, 19 CHXD chưa được cấp giấy chứng nhận tài sản trên đất.

4. Công tác tổ chức quản lý

- Công ty đi với hệ thống tổ chức hoạt động gồm Văn phòng Công ty và các Chi nhánh trực thuộc tại các tỉnh thành. Bộ máy của các Chi nhánh chủ yếu do cán bộ khối Văn phòng Công ty kiêm nhiệm để không tăng nhân sự, tiết kiệm chi phí, tại một số thị trường tiềm năng thì có Giám đốc chi nhánh và cán bộ kinh doanh chuyên trách để khai thác mở rộng thị trường (Đông Hà Nội, Hòa Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang).

- Triển khai các giải pháp nhằm củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng gọn nhẹ, nâng cao hiệu quả quản lý, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các

phòng ban, xây dựng quy trình nghiệp vụ đồng thời bổ sung, nâng cấp các giải pháp công nghệ thông tin vào trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty để nâng cao hiệu quả công việc.

- Công ty đã xây dựng và ban hành được hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý, điều hành của Công ty, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh, nâng cao hiệu quả và an toàn trong quản lý sử dụng vốn và tài sản của Công ty.

- Công ty thường xuyên tiến hành rà soát, sửa đổi bổ sung và xây dựng mới các quy chế, quy định phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu quản lý.

- Công ty đã thành lập đoàn kiểm tra nội bộ định kỳ, đột xuất để thực hiện kiểm tra hoạt động của các Chi nhánh/CHXD/Kho.

5. Công tác quản lý tài chính

- Công ty kiểm soát tốt việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản; tuân thủ các quy định của Công ty và Tổng công ty về quản lý tài chính.

- Công ty đã ban hành QĐ số 1281/QĐ-XDHN ngày 08/06/2020 về việc “Quy định về bán hàng và quản lý công nợ” và QĐ số 3139/QĐ-XDHN ngày 29/12/2020 và 2769/QĐ-XDHN ngày 14/09/2022 về việc thành lập Hội đồng xét quyết và Tổ giúp việc “Công tác bán hàng và quản lý nợ tín chấp”. Công ty đã thực nghiêm túc việc thẩm định và cấp hạn mức nợ có bảo lãnh ngân hàng và nợ tín chấp năm 2024 cho khách hàng (cả về thời gian và giá trị) trước khi bán hàng, không để phát sinh khoản nợ xấu nào trong năm 2024. Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2024 là 4.346.532.351 đồng (*giảm 254 triệu đồng so với 31/12/2023*) và đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 4.013.730.862 đồng.

- Công ty thực hiện tốt việc quản trị nguồn vốn và dòng tiền, không bị chiếm dụng vốn.

6. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban Giám đốc

- Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành nên nắm bắt được kịp thời và đầy đủ mọi thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận và nắm bắt được tất cả các hoạt động của Công ty.

III. Kiến nghị

1. Hoạt động quản lý, điều hành

- HĐQT và Ban Giám đốc đã phối hợp tốt, tuân thủ quy chế về Người đại diện phần vốn của Tổng công ty, quy chế làm việc và phối hợp giữa HĐQT - Giám đốc, quy chế phân cấp đầu tư của Công ty, đạt được những hiệu quả tích cực. Đề nghị

HDQT - Ban Giám đốc tiếp tục phát huy tinh thần cởi mở, tích cực trong công tác phối hợp, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong quản lý và điều hành Công ty;

- Đề nghị HDQT – Ban Giám đốc Công ty chỉ đạo các Phòng chức năng tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung quy chế, quy định,... phù hợp thực tế của Công ty, trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty, quy định của TCT và của Pháp Luật hiện hành.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đề nghị HDQT – Ban Giám đốc Công ty tập trung nguồn lực phát triển hệ thống CHXD bằng nhiều hình thức. Áp dụng các biện pháp, chính sách dài hạn, ngắn hạn để gia tăng sản lượng tại các CHXD hiện hữu (nâng cấp sửa chữa, chính sách giá, công nợ,...), đồng thời tiết giảm chi phí góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh;

- Tiếp tục thực hiện các chính sách để chuyển dịch cơ cấu khách hàng theo hướng giảm phụ thuộc vào nhóm khách hàng trung gian (TNPP/TNNQBL); đẩy mạnh phát triển hệ thống KHHCN/ Khách hàng tiêu thụ trực tiếp/CHXD;

- Khảo sát đánh giá nhu cầu tiêu thụ hàng hóa và năng lực tài chính của khách hàng để phê duyệt chính sách giá, hình thức thanh toán cụ thể và phù hợp. Tổ chức đánh giá sản lượng thực hiện thực tế của từng khách hàng, điều chỉnh hạn mức công nợ phù hợp với sản lượng thực tế;

- Phối hợp chặt chẽ với các công ty trực thuộc PVOIL để thống nhất chính sách bán hàng, hạn chế tối đa việc cạnh tranh nội bộ gây thiệt hại không đáng có trong kinh doanh.

3. Hoạt động đầu tư, phát triển hệ thống

- Đa dạng hóa các hình thức phát triển hệ thống CHXD: mua, thuê, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh... để tăng số lượng CHXD, nâng cao hiệu quả kinh doanh;

- Công ty tập trung sớm hoàn tất các hồ sơ thủ tục pháp lý để giảm thiểu rủi ro phát sinh liên quan đến quyền sở hữu đất và tài sản/công trình trên đất.

4. Công tác tổ chức

- Đề nghị thường xuyên kiểm tra, rà soát việc thực hiện các quy định, quy trình, quy chế của Công ty, sửa đổi bổ sung đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý và kinh doanh xăng dầu;

- Tổ chức bộ phận tiếp nhận phản hồi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả, việc thực hiện của các quy chế, quy định, quy trình để có những sửa đổi bổ sung hoặc điều chỉnh cho phù hợp.

5. Công tác quản lý tài chính

- Tăng cường kiểm soát đối với công tác quản lý nợ phải thu, đảm bảo không phát sinh nợ vượt hạn mức và nợ vượt thời gian.

- Công ty cần duy trì liên tục ký đối chiếu xác nhận công nợ, soát xét hoàn thiện đầy đủ hồ sơ tài liệu đối với từng khách hàng có nợ phải thu khó để làm cơ sở trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo qui định hiện hành và khởi kiện (nếu có).

- Sử dụng dòng tiền của Công ty linh hoạt và hiệu quả hơn nữa.

PHẦN 2
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Nội dung	Thời gian	Đơn vị phối hợp
I. Giám sát hoạt động quản lý và điều hành		
- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
- Giám sát việc tuân thủ các quy trình quy chế của Công ty, Tổng công ty và các quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
- Giám sát việc chấp hành của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
- Giám sát việc tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện các quyết định, ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
II. Giám sát hoạt động đầu tư phát triển hệ thống		
- Giám sát công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới CHXD. Giám sát tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác, giám sát quyết toán từng công trình	Theo tiến độ thực tế	Phòng KHĐT
- Giám sát việc tổ chức thẩm định giá, đàm phán giá chuyển nhượng, giám sát thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khi mua lại các CHXD	Theo tiến độ thực tế	Phòng KHĐT
III. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh		
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt	Hàng tháng, hàng quý	Phòng KDXD, KDTH
- Giám sát việc tuân thủ quy chế bán hàng của Tổng công ty/Công ty, quy chế quản lý hàng hóa tại kho và cửa hàng xăng dầu	Các tháng cuối quý	Phòng KDXD, KDTH
- Thẩm định báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý trình HĐQT xem xét.	Đầu quý sau quý báo cáo	Phòng KDXD, KDTH
IV. Giám sát công tác tài chính kế toán		
- Giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng vốn và tài sản của Công ty vào các hoạt động đầu tư, XD CB, mua sắm tài sản, sản xuất kinh doanh.	Thường xuyên	Phòng TCKT
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ thực hiện quy chế tài chính, quy chế quản lý tiền hàng công nợ của Công ty.	Các tháng cuối quý	Phòng TCKT
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý của Công ty trình HĐQT xem xét.	Đầu quý sau quý báo cáo	Phòng TCKT

- Kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, tình hình quản lý và sử dụng tài sản, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, việc chấp hành các quy chế quy định nội bộ của Công ty tại các chi nhánh và các cửa hàng xăng dầu trực thuộc.	Các tháng cuối quý	Phòng TCKT
- Xem xét các báo cáo kiểm toán của cơ quan kiểm toán độc lập.	Sau khi kiểm toán	Công ty Kiểm toán

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua báo cáo hoạt động, tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ (để b/c);
- HĐQT, Ban GD (để p/h t/h);
- Lưu: VT, BKS, VVN.01b.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Vũ Văn Nghị



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

5. BÁO CÁO

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024
VÀ LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2025**

Hà Nội, tháng 4/2025

Số: 1082/XDHN-BC-BKS

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

**Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024
và tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (Công ty);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt ngày 07/02/2025 kiểm toán kết thúc năm tài chính 2024 (đính kèm);

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 và tờ trình phê duyệt đơn vị kiểm toán năm 2025 như sau:

I. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính và kỳ kế toán

- Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam;
- Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động của Công ty từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, biểu mẫu báo cáo thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 và hiệu lực từ 01/01/2015 thay thế cho Quyết định 15/BTC.

2. Tình hình tài sản và nguồn vốn năm 2024

TÀI SẢN	ĐVT: đồng	
	NGÀY 31/12/2024	NGÀY 31/12/2023
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	428.222.418.979	424.365.010.213
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	56.584.205.197	58.453.511.414
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.650.000.000	3.650.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	255.552.039.987	293.647.828.586
4. Hàng tồn kho	107.240.632.548	65.359.355.397
5. Tài sản ngắn hạn khác	5.195.541.247	3.254.314.816

II. TÀI SẢN DÀI HẠN	274.458.535.083	255.015.874.543
1. Tài sản cố định	144.739.138.883	140.029.608.540
2. Bất động sản đầu tư	9.490.506.204	9.984.687.972
3. Tài sản dở dang dài hạn	6.602.309.269	8.842.587.805
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.992.267.200	1.693.459.510
5. Tài sản dài hạn khác	110.634.313.527	94.465.530.716
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	702.680.954.062	679.380.884.756
NGUỒN VỐN		
I. NỢ PHẢI TRẢ	400.172.558.775	374.933.761.320
1. Nợ ngắn hạn	399.521.770.197	374.933.761.320
2. Nợ dài hạn	650.788.578	0
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	302.508.395.287	304.447.123.436
1. Vốn góp của chủ sở hữu	264.564.100.000	264.564.100.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	25.363.615.248	24.362.663.233
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.580.680.039	15.520.360.203
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	702.680.954.062	679.380.884.756

3. Tình hình kết quả kinh doanh năm 2024

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.129.294.013.523	9.234.739.373.851
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3.435.345.553	2.930.504.277
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.125.858.667.970	9.231.808.869.574
4. Giá vốn hàng bán	8.847.368.526.373	8.943.862.895.485
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	278.490.141.597	287.945.974.089
6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.481.976.963	9.373.474.506
7. Chi phí tài chính	(1.277.962.211)	1.251.548.212
- Trong đó: Chi phí lãi vay	20.845.479	111.823.082
8. Chi phí bán hàng	204.427.946.699	204.081.226.545
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.825.644.897	72.395.685.762
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	16.996.489.175	19.590.988.076
11. Thu nhập khác	2.298.028.889	2.687.735.226
12. Chi phí khác	2.053.296.190	1.140.625.345
13. Lợi nhuận khác	244.732.699	1.547.109.881
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.241.221.874	21.138.097.957
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.666.294.370	6.838.783.462
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.574.927.504	14.299.314.495
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	438	330

4. Công tác quản lý tài chính, sổ sách, chứng từ

- Số liệu kế toán rõ ràng minh bạch phù hợp với pháp luật về kế toán.

- Thực hiện tốt các chế độ báo cáo thống kê, kê khai quyết toán thuế.

5. Kiến nghị

Ban Kiểm soát đồng ý với các ghi nhận của Công ty kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Kiểm toán An Việt đối với Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

II. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có kinh nghiệm và uy tín về chất lượng kiểm toán.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

3. Kiến nghị

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn Công ty kiểm toán độc lập và giao cho Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét các BCTC năm 2025 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ (để b/c);
- HĐQT, Ban GD (để p/h t/h);
- Lưu: VT, BKS, VVN.01b.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Vũ Văn Nghị



CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

6. TỜ TRÌNH

THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2024

Hà Nội, tháng 4/2025

Số: 1083/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 2 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2023 của PVOIL Hà Nội đã được Công ty TNHH An Việt kiểm toán ngày 07/02/2024 (đính kèm);

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội với một số chỉ tiêu chính như sau:

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị tại 31/12/2024
I	TỔNG TÀI SẢN	702.680.954.062
1	Tài sản ngắn hạn	428.222.418.979
	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	60.234.205.197
	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	255.552.039.987
	<i>Hàng tồn kho</i>	107.240.632.548
	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	5.195.541.247
2	Tài sản dài hạn	274.458.535.083
	<i>Tài sản cố định</i>	144.739.138.883
	<i>Bất động sản đầu tư</i>	9.490.506.204
	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	6.602.309.269
	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	2.992.267.200
	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	110.634.313.527
II	NGUỒN VỐN	702.680.954.062
1	Nợ phải trả	400.172.558.775
	<i>Nợ ngắn hạn</i>	399.521.770.197

	Nợ dài hạn	650.788.578
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	302.508.395.287
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	264.564.100.000
	Quỹ đầu tư phát triển/khác	25.363.615.248
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.580.680.039
III	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.125.858.667.970
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2024	17.241.221.874
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	11.574.927.504
4	Lợi nhuận còn lại năm 2023 và các năm trước chuyển sang	15.520.360.203
5	Chia cổ tức từ LN chưa phân phối 2023	7.936.923.000
6	Trích các quỹ từ LNST 2023	6.577.684.668
7	Tổng lợi nhuận còn lại năm 2023 và 2024 (7=3+4-5-6)	12.580.680.039

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận: 

- Như trên;
- TV HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.LTH.01b. 



Hoàng Đình Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Hà Nội, tháng 02 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") lập và trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

- Ông Hoàng Đình Tùng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 23/12/2024)
- Ông Vũ Hoài Lam	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 11/11/2024)
- Ông Nguyễn Hoàng Phúc	Thành viên, Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/11/2024)
- Ông Trần Mạnh Hà	Thành viên, Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/11/2024)
- Ông Hoàng Minh Thái	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/03/2024)
- Ông Đỗ Khắc Cường	Thành viên
- Bà Đào Hồng Ngọc	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/03/2024)
- Ông Đào Xuân Hữu	Thành viên chuyên trách
- Ông Đào Đại Thắng	Phó Giám đốc
- Ông Trần Việt Hùng	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Giám đốc
- Bà Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Phúc
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2025

Số: 10/2025/ BCKT-AVI-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07/02/2025, từ trang 4 đến trang 31 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã được phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Dương
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CNĐKHNKT 0387-2023-055-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2025


Đỗ Huy Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHNKT 5105-2021-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số 01 - DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		428.222.418.979	424.365.010.213
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		56.584.205.197	58.453.511.414
1. Tiền	111	5	56.584.205.197	58.453.511.414
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.650.000.000	3.650.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	3.650.000.000	3.650.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		255.552.039.987	293.647.828.586
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	249.687.727.640	280.276.356.048
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	5.790.742.519	10.678.890.232
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.087.300.690	6.960.313.168
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.013.730.862)	(4.267.730.862)
III. Hàng tồn kho	140	10	107.240.632.548	65.359.355.397
1. Hàng tồn kho	141		107.240.632.548	66.632.098.253
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.272.742.856)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.195.541.247	3.254.314.816
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	2.059.858.497	3.194.766.052
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.135.682.750	59.548.764
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		274.458.535.083	255.015.874.543
I. Tài sản cố định	220		144.739.138.883	140.029.608.540
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	109.308.730.935	103.675.562.692
- Nguyên giá	222		251.944.005.201	234.711.131.359
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(142.635.274.266)	(131.035.568.667)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	35.430.407.948	36.354.045.848
- Nguyên giá	228		48.775.445.841	48.435.445.841
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.345.037.893)	(12.081.399.993)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	9.490.506.204	9.984.687.972
- Nguyên giá	231		12.857.699.499	12.857.699.499
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(3.367.193.295)	(2.873.011.527)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.602.309.269	8.842.587.805
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	6.602.309.269	8.842.587.805
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	2.992.267.200	1.693.459.510
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.954.128.000	7.954.128.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.961.860.800)	(6.260.668.490)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		110.634.313.527	94.465.530.716
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	110.634.313.527	94.465.530.716
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		702.680.954.062	679.380.884.756

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang số 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số 01 - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		400.172.558.775	374.933.761.320
I. Nợ ngắn hạn	310		399.521.770.197	374.933.761.320
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	201.286.606.917	192.110.079.550
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	21.307.172.305	5.956.673.433
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	81.841.064.371	79.401.621.874
4. Phải trả người lao động	314		22.385.114.256	28.755.693.471
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		826.530.000	1.128.000.005
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		231.363.637	1.765.957.977
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	69.459.199.968	61.912.491.337
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.184.718.743	3.903.243.673
II. Nợ dài hạn	330		650.788.578	-
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		650.788.578	-
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		302.508.395.287	304.447.123.436
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	302.508.395.287	304.447.123.436
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		264.564.100.000	264.564.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		264.564.100.000	264.564.100.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.363.615.248	24.362.663.233
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.580.680.039	15.520.360.203
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.005.752.535	1.221.045.708
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.574.927.504	14.299.314.495
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		702.680.954.062	679.380.884.756

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Trang

Lê Đức Dân

Nguyễn Hoàng Phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024Mẫu số 02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	9.129.294.013.523	9.234.739.373.851
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.435.345.553	2.930.504.277
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.125.858.667.970	9.231.808.869.574
4. Giá vốn hàng bán	11	24	8.847.368.526.373	8.943.862.895.485
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		278.490.141.597	287.945.974.089
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	6.481.976.963	9.373.474.506
7. Chi phí tài chính	22	26	(1.277.962.211)	1.251.548.212
8. Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.845.479	111.823.082
9. Chi phí bán hàng	25	27	204.427.946.699	204.081.226.545
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	64.825.644.897	72.395.685.762
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.996.489.175	19.590.988.076
12. Thu nhập khác	31	30	2.298.028.889	2.687.735.226
13. Chi phí khác	32		2.053.296.190	1.140.625.345
14. Lợi nhuận khác	40		244.732.699	1.547.109.881
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		17.241.221.874	21.138.097.957
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	5.666.294.370	6.838.783.462
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11.574.927.504	14.299.314.495
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	438	330

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Trang

Lê Đức Dân



Nguyễn Hoàng Phúc

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang số 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số 03 - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.241.221.874	21.138.097.957
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	16.615.821.755	15.515.238.618
- Các khoản dự phòng	03	(2.174.761.968)	(512.457.445)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	835.713.956	575.524.877
- Chi phí lãi vay	06	20.845.479	111.823.082
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32.538.841.096	36.828.227.089
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	34.622.866.035	40.222.524.535
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(40.608.534.295)	(33.253.503.766)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31.433.226.965	(23.228.287.396)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(15.033.875.256)	(382.376.073)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(20.845.479)	(111.823.082)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.253.970.551)	(5.954.943.093)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.395.257.583)	(3.347.425.661)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.282.450.932	10.772.392.553
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.560.033.417)	(8.142.516.709)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	250.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	345.199.268	350.783.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.214.834.149)	(7.541.732.923)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	40.880.000.000	115.767.072.170
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(40.880.000.000)	(115.767.072.170)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.936.923.000)	(5.291.282.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.936.923.000)	(5.291.282.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.869.306.217)	(2.060.622.370)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	58.453.511.414	60.514.133.784
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	56.584.205.197	58.453.511.414

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Trang

Lê Đức Dân

Nguyễn Hoàng Phúc

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang số 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0105029292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/2010. Đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 26/12/2024. Tên giao dịch Quốc tế của Công ty là PETROVIETNAM OIL HANOI JOINT STOCK COMPANY viết tắt là PVOIL HANOI.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 264.564.100.000 đồng. Trong đó:

- Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP góp 190.071.070.000 đồng, chiếm 71,84% vốn điều lệ;
- Ngân hàng Thương mại TNHH Đại Dương góp 27.500.000.000 đồng chiếm 10,39% vốn điều lệ
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á góp 7.500.000.000 đồng chiếm 2,83% vốn điều lệ
- Các cổ đông khác góp 39.493.030.000 đồng chiếm 14,93 % vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại số 194 phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 451 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 437 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, đường thủy, bến cảng, các hệ thống bồn chứa xăng dầu và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa công, đập và đê, đường hầm, công trình thể thao ngoài trời;
- Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Môi giới và xúc tiến thương mại;
- Đại lý mua, bán ký gửi hàng hóa;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải;
- Dịch vụ lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách đường sắt, đường thủy và đường bộ;
- Lắp đặt máy móc thiết bị;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Khai thác dầu thô;
- Bán lẻ, bán buôn xăng dầu;
- Dịch vụ xăng dầu bao gồm: dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu, dịch vụ vận tải xăng dầu;
- Kinh doanh xăng dầu: xuất khẩu (xăng dầu, nguyên liệu sản xuất trong nước và xăng dầu, nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu), nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, sản xuất, pha chế xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; sản phẩm cho ngành hóa dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường, cồn trắng, varolin, sáp paraffin, nhớt, bánh dầu, sản phẩm dầu mỡ tính chế.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty không có công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh) của Công ty như sau:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hòa Bình;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Phú Thọ;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Lào Cai;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Quảng Ninh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Nghệ An;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Bắc Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Bắc Kạn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Thái Nguyên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hưng Yên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Yên Bái;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Tuyên Quang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Vĩnh Phúc;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Ninh Bình;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Nam Định;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hải Phòng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hà Giang;
- Chi nhánh Đông Hà Nội - Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hải Dương.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh được

Các thông tin và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đảm bảo khả năng so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Mức khấu hao (Năm)

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4.7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế, phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 10 năm.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất, công cụ dụng cụ, chi phí thuê của hàng được phân bổ dần vào chi phí, chi phí sửa chữa của hàng xăng dầu. Giá trị lợi thế vị trí địa lý các lô đất được phân bổ dần vào chi phí tương ứng với thời gian thuê còn lại của các lô đất kể từ khi nhận tài sản góp vốn của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP và nhận chuyển nhượng từ các đối tác khác. Giá trị công cụ dụng cụ được phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định thể hiện số tiền thuê đã trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.10. Quyết toán quỹ tiền lương và các khoản trích theo lương

Công ty đang thực hiện trích quỹ tiền lương theo hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và các hướng hướng dẫn của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP. Trong năm, Công ty thực hiện trích quỹ tiền lương 78,362 tỷ đồng. Quỹ tiền lương của Công ty sẽ được quyết toán khi nhận được phê duyệt chính thức của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP.

4.11. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc niên độ kế toán phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.14. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

Trong năm, Công ty ghi nhận thu nhập khác đối với các khoản hỗ trợ tạo nguồn từ Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP

4.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc các khoản nợ phải thu trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.17. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chỉ phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 33.

4.16. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả tài chính đồng thời.

5. TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.621.807.284	3.246.145.758
Tiền gửi ngân hàng	54.258.967.455	53.263.942.104
Tiền đang chuyển	703.430.458	1.943.423.552
Cộng	<u>56.584.205.197</u>	<u>58.453.511.414</u>

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Số dư khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 3,65 tỷ đồng là khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long (Hiện tại, đổi tên thành Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) theo Hợp đồng tiền gửi số 350/2024/000047/ HDTG ngày 05/11/2024 có thời hạn 12 tháng, lãi suất 4,2%/năm. Khoản tiền gửi này chưa thể thanh khoản do ngân hàng đang thực hiện tái cơ cấu theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ban giám đốc Công ty tin tưởng rằng khoản tiền nói trên sẽ được thanh khoản trong tương lai khi sau khi hoàn hành công tác tái cơ cấu.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	501.600.000	501.600.000
Nguyễn Văn Hà	513.562.262	513.562.262
Phải thu khác	1.820.138.428	5.093.163.459
Tạm ứng	1.252.000.000	851.987.447
Cộng	<u>4.087.300.690</u>	<u>6.960.313.168</u>
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan(*)	501.600.000	501.600.000

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 33.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vật tư - TKV	49.631.554.521	-
Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	29.416.191.002	24.397.594.760
Chi nhánh Công ty TNHH Xăng dầu IDEMITSU Q8 tại Hưng Yên	20.064.367.552	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Than Uông Bí	19.369.745.492	7.574.077.469
Tổng công ty Đường Sắt Việt Nam (XN Đầu máy Vinh)	10.075.375.643	8.908.594.905
Công ty TNHH Tân Bình	9.021.498.670	5.085.805.370
Chi nhánh Mô tuyến đồng Sơn Quyền - VIMICO	7.748.694.120	14.023.981.428
Công ty Cổ phần Giao hàng tiết kiệm	7.705.533.193	9.395.485.636
Công ty Cổ phần Đại Đồng Xuân	4.846.476.810	9.675.379.055
Công ty Xây dựng Công nghiệp Mô	-	77.814.446.892
- Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	-	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xi nghiệp Vật tư Hòn Gai	-	35.510.456.395
Các khoản phải thu khách hàng khác	91.808.290.637	87.890.534.138
Cộng	249.687.727.640	280.276.356.048
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (*)</i>	<i>5.938.030.784</i>	<i>5.504.512.340</i>

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 33.

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Hùng Bảo	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH MTV KTV Kiên Cường	-	6.000.000.000
Khách hàng khác	1.790.742.519	678.890.232
Cộng	5.790.742.519	10.678.890.232

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Xăng A95	39.974.994.692	-	21.896.569.467	(450.633.605)
Xăng E5	6.401.231.233	-	19.494.349.932	(427.311.482)
Dầu DO 0.05%	51.536.581.926	-	20.415.193.733	(394.797.769)
Dầu DO 0.001%	5.306.006.882	-	-	-
Dầu mỡ nhờn	3.106.206.339	-	3.431.485.442	-
Chi phí thu mua	51.722.141	-	152.255.033	-
Hàng hóa khác	46.817.037	-	100.421.643	-
Hàng hóa PV Mart	817.072.298	-	1.064.910.645	-
Công cụ dụng cụ	-	-	76.912.358	-
Cộng	107.240.632.548	-	66.632.098.253	(1.272.742.856)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.059.858.497	3.194.766.052
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	2.059.858.497	3.194.766.052
b) Dài hạn	110.634.313.527	94.465.530.716
Giá trị lợi thế vị trí địa lý	57.169.861.535	64.346.070.863
Chi phí trả trước dài hạn khác	53.464.451.992	30.119.459.853
Cộng	112.694.172.024	97.660.296.768

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng	Nhà	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	10.749.344.717	2.108.354.782	12.857.699.499
Tại ngày 31/12/2024	10.749.344.717	2.108.354.782	12.857.699.499
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	1.821.565.379	1.051.446.148	2.873.011.527
Tăng trong năm	394.142.616	100.039.152	494.181.768
Tăng trong năm	394.142.616	100.039.152	494.181.768
Tại ngày 31/12/2024	2.215.707.995	1.151.485.300	3.367.193.295
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	8.927.779.338	1.056.908.634	9.984.687.972
Tại ngày 31/12/2024	8.533.636.722	956.869.482	9.490.506.204

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công trình CHXD Thanh Thủy	4.682.957.417	4.469.451.108
Chi phí nhận chuyển nhượng đất CHXD Phú Linh	570.000.000	570.000.000
Chi phí thi công nâng bậc chịu lửa CHXD Đại Đồng	569.444.444	-
Chi phí tư vấn đầu tư sửa chữa CHXD Minh Khai	439.796.296	-
Công trình CHXD Hợp Minh	-	2.793.154.462
Công trình khác	340.111.112	1.009.982.235
Cộng	6.602.309.269	8.842.587.805

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	147.901.010.320	114.170.466.642
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	10.952.242.478	8.902.209.452
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL Miền Bắc	8.588.419.934	7.316.600.008
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	8.063.563.753	6.560.447.606
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	-	36.992.972.590
Các đối tượng khác	25.781.370.432	18.167.383.252
Cộng	201.286.606.917	192.110.079.550
Trong đó:		
Phải trả khách hàng là các bên liên quan (*)	188.990.284.391	176.880.974.100

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 33.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH Xăng dầu IDEMITSU Q8 tại Hải Phòng	12.283.268.737	-
Công ty TNHH Xăng Dầu IDEMITSU Q8	2.395.690.844	1.065.860.765
Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Mạo Khê - TKV	1.680.427.580	-
Công ty TNHH Xăng dầu và Dịch vụ Thương mại Đồng Xuân	283.800	1.201.350.809
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật 205	-	622.500.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	4.947.785.144	3.066.961.859
Cộng	21.307.456.105	5.956.673.433

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	162.676.820	151.602.530
Các khoản bảo hiểm	8.122.644	10.019.028
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.338.000.000	3.931.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí PVOIL Miền Trung	9.859.562.684	8.095.825.783
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	5.979.007.753	5.869.664.725
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	5.881.811.976	4.659.740.520
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	5.681.932.486	6.220.989.158
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	2.838.591.151	1.951.149.030
Phải trả khác	34.709.494.454	31.022.500.563
Cộng	69.459.199.968	61.912.491.337
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan(*)	59.942.071.501	54.965.965.127

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 33.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong kỳ		
	01/01/2024	Phải nộp	Đã nộp
	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	11.154.951.202	89.824.806.319	95.024.809.159
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.248.901.632	5.666.294.370	6.253.970.551
Thuế thu nhập cá nhân	264.001.954	2.584.063.701	2.277.877.227
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.317.406.145	3.317.406.145
Thuế môn bài	-	67.000.000	67.000.000
Thuế bảo vệ môi trường	65.733.767.086	781.628.004.360	773.707.069.316
Cộng	79.401.621.874	883.087.574.895	880.648.132.398
Trong đó :			
- Số thuế phải nộp	79.401.621.874		
- Số thuế phải thu	-		

81.841.064.371

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	264.564.100.000	24.362.663.233	10.852.906.630	299.779.669.863
Lãi trong năm	-	-	14.299.314.495	14.299.314.495
Phân phối lợi nhuận năm	-	-	(4.172.578.922)	(4.172.578.922)
Quỹ khen thưởng	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Quỹ phúc lợi	-	-	(2.656.538.922)	(2.656.538.922)
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	-	-	(716.040.000)	(716.040.000)
Chi trả cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết 1180/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2023	-	-	(5.291.282.000)	(5.291.282.000)
Giảm khác	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
Tại ngày 01/01/2024	264.564.100.000	24.362.663.233	15.520.360.203	304.447.123.436
Lãi trong năm	-	-	11.574.927.504	11.574.927.504
Phân phối lợi nhuận năm (*)	-	1.000.952.015	(14.514.607.668)	(13.513.655.653)
Quỹ khen thưởng	-	-	(5.576.732.653)	(5.576.732.653)
Quỹ đầu tư phát triển	-	1.000.952.015	(1.000.952.015)	-
Chia cổ tức năm 2023	-	-	(7.936.923.000)	(7.936.923.000)
Tại 31/12/2024	264.564.100.000	25.363.615.248	12.580.680.039	302.508.395.287

(*) Công ty thực hiện phân phối theo Nghị quyết số 1364/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn góp tại 31/12/2024		Vốn góp tại 01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	190.071.070.000	71,84%	190.071.070.000	71,84%
Ngân hàng Thương mại TNHH Đại Dương	27.500.000.000	10,39%	27.500.000.000	10,39%
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	7.500.000.000	2,83%	7.500.000.000	2,83%
Các cổ đông khác	39.493.030.000	14,93%	39.493.030.000	14,93%
Cộng	264.564.100.000	100%	264.564.100.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Số lượng (cổ phiếu)	26.456.410	26.456.410
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	264.564.100.000	264.564.100.000
Cộng	<u>264.590.566.410</u>	<u>264.590.566.410</u>

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
Hàng hóa nhận giữ hộ của khách hàng		
- Xăng A95	Lít 359.986	408.394
- Dầu DO	Lít 1.307.699	1.117.678
- Xăng E5	Lít 392.697	83.807

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xăng RON95	3.124.707.047.404	2.789.273.126.437
Doanh thu kinh doanh xăng E5RON92	1.270.641.060.058	1.315.922.664.304
Doanh thu kinh doanh dầu DO 0.05%S	4.640.747.534.284	5.100.469.657.284
Doanh thu kinh doanh dầu DO 0.001%S	59.138.696.819	-
Doanh thu kinh doanh hàng hóa khác	13.476.995.513	15.367.922.488
Hoạt động cung cấp dịch vụ	20.582.679.445	13.706.003.338
Cộng	<u>9.129.294.013.523</u>	<u>9.234.739.373.851</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.435.345.553	2.930.504.277
Chiết khấu thương mại	3.435.345.553	2.930.504.277
Cộng	<u>9.125.858.667.970</u>	<u>9.231.808.869.574</u>
Trong đó		
Doanh thu với các bên liên quan (*)	112.027.873.530	222.138.309.943

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 33.

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh xăng RON95	3.027.850.676.026	2.706.891.470.818
Giá vốn kinh doanh xăng E5RON92	1.240.096.756.437	1.280.566.640.966
Giá vốn kinh doanh dầu DO 0.05%S	4.508.895.321.860	4.940.837.040.609
Giá vốn kinh doanh dầu DO 0.001%S	57.902.407.014	-
Giá vốn kinh doanh hàng hóa khác	11.972.415.784	13.599.066.548
Giá vốn cung cấp dịch vụ	650.949.252	695.933.688
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.272.742.856
Cộng	<u>8.847.368.526.373</u>	<u>8.943.862.895.485</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi do thanh toán trước hạn với Tổng công ty Dầu	6.136.777.695	9.022.690.720
Lãi tiền gửi	345.199.268	350.783.786
Cộng	<u>6.481.976.963</u>	<u>9.373.474.506</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	20.845.479	111.823.082
Trích lập/Hoàn nhập Chi phí dự phòng	(1.298.807.690)	1.139.725.130
Cộng	<u>(1.277.962.211)</u>	<u>1.251.548.212</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	62.424.695.946	63.440.869.882
Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	21.784.479.758	21.295.508.949
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.780.599.903	13.898.750.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.245.444.857	74.230.122.144
Chi phí bằng tiền khác	33.192.726.235	31.215.975.247
Cộng	<u>204.427.946.699</u>	<u>204.081.226.545</u>

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	41.400.781.428	48.003.661.585
Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	1.571.474.303	1.449.026.509
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.184.272.600	951.872.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.205.785.905	2.799.483.083
Chi phí dự phòng	396.788.578	1.012.801.685
Chi phí bằng tiền khác	17.066.542.083	18.178.839.906
Cộng	<u>64.825.644.897</u>	<u>72.395.685.762</u>

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	103.825.477.374	111.444.531.467
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.355.954.061	22.744.535.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.615.821.755	15.515.238.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.451.230.762	77.029.605.227
Chi phí bằng tiền khác	50.259.268.318	49.394.815.153
Chi phí dự phòng	396.788.578	1.012.801.685
Cộng	<u>269.904.540.848</u>	<u>277.141.527.608</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bảo hiểm tổn thất tài sản	247.823.432	-
Hoàn nhập Quỹ dự phòng rủi ro về môi trường	-	2.545.590.015
Nhượng bán, thanh lý tài sản	22.909.091	-
Thu nhập khác	2.027.296.366	142.145.211
Cộng	<u>2.298.028.889</u>	<u>2.687.735.226</u>

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận trước thuế	17.241.221.874	21.138.097.957
Các khoản chi phí không được trừ	11.090.249.975	13.055.819.354
- Phân bổ lợi thế vị trí địa lý	6.988.537.404	6.988.537.404
- Chi phí khác	4.101.712.571	6.067.281.950
Thu nhập chịu thuế	28.331.471.849	34.193.917.311
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>5.666.294.370</u>	<u>6.838.783.462</u>

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.574.927.504	14.299.314.495
Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(5.576.732.653)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.574.927.504	8.722.581.842
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	26.456.410	26.456.410
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	438	330

(*) Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2024, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên số 1364/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Đơn vị	Mối quan hệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (Timexco)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần tại khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp Xăng Dầu Petec Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn	5.938.030.784	5.504.512.340
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.286.304.570	2.774.623.129
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	1.152.303.046	1.069.469.758
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	1.027.549.174	1.159.445.410
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	209.988.811	202.100.970
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	194.246.431	151.798.040
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	38.928.960	86.240.890
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	16.551.402	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	9.059.900	11.864.260
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	3.098.490	3.219.083
Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	-	37.196.750
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	-	8.554.050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	-	143.850
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	-	143.850
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	501.600.000	501.600.000
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	501.600.000	501.600.000
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	188.990.284.391	176.880.974.100
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	149.275.479.686	115.333.721.785
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	10.952.242.478	8.902.209.452
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	8.833.935.180	-
Công ty Cổ phần Dầu Nhòn PVOIL	8.588.419.934	7.316.600.008
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	8.063.563.753	6.560.447.606
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	2.704.001.737	1.437.795.662
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	342.521.622	318.642.520
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	168.199.020	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	61.882.943	18.584.477
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	38.038	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	-	36.992.972.590
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	59.942.071.501	54.965.965.127
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí PVOIL Miền Trung	9.859.562.684	8.095.825.783
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	5.979.007.753	5.869.664.725
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	5.881.811.976	4.659.740.520
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	5.681.932.486	6.220.989.158
Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	5.604.438.528	4.793.314.271
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	4.466.562.829	6.034.658.488
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	3.992.117.040	4.601.124.855
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	3.752.108.077	2.534.349.459
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	3.033.674.149	2.174.182.703
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	2.838.591.151	1.951.149.030
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	2.804.930.918	1.517.754.430
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	1.797.082.038	2.122.729.837
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	1.457.705.506	1.519.309.147

11.11.2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả ngắn hạn khác (Tiếp theo)		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	1.134.405.900	1.021.744.640
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	676.396.432	857.980.380
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	372.033.672	422.378.810
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	330.051.417	352.355.450
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	161.696.970	103.303.590
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	117.961.975	113.409.851

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng hóa và dịch vụ	112.027.873.530	222.138.309.943
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	38.802.448.135	21.640.855.774
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	25.666.943.952	568.346.864
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	19.808.681.999	65.000.443.364
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	10.013.474.409	20.063.152.864
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	8.620.175.499	12.544.383.942
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	4.023.030.956	42.409.774
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	1.724.944.499	1.947.965.599
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	1.198.249.904	1.501.985.835
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	508.443.410	356.736.954
Công ty Cổ phần Xăng dầu Mê Kông	434.479.501	251.793.953
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	418.942.226	678.882.180
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	257.657.726	48.397.551.771
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	198.794.499	153.516.119
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	162.191.453	31.457.406.590
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	115.780.635	177.884.999
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	30.873.000	26.669.726
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	25.945.636	17.286.993.455
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	8.816.455	3.360.135
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	7.999.636	6.821.727
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	-	31.148.318

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.904.891.570.195	8.919.344.017.078
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	8.449.357.752.048	8.306.297.948.890
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	95.460.396.495	97.912.133.740
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	93.705.454.545	40.563.766.237
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	72.112.803.258	76.866.431.937
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	67.238.427.902	74.254.879.972
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	33.837.417.951	75.227.809.412
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	23.847.013.458	217.290.868.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ (Tiếp theo)		
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	17.166.629.762	7.773.459.014
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	17.071.979.999	3.494.545.455
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	17.018.735.046	7.330.872.271
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	15.255.139.427	173.090.442
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	2.583.150.385	2.308.693.390
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	123.535.792	143.475.379
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	102.079.558	87.284.789
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	6.139.155	7.974.409
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	3.096.895	1.857.638.295
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	1.209.393	3.502.367.319
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	609.126	740.319
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	-	3.328.181.818
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	-	921.855.680
Thù lao, thu nhập của Ban điều hành Công ty		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thù lao HĐQT và BKS	100.336.021	137.177.419
Thù lao	100.336.021	137.177.419
Thu nhập Ban giám đốc	7.411.564.800	7.065.792.000
Lương, thưởng	7.411.564.800	7.065.792.000

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và các khoản nợ phải trả. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, các khoản nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.584.205.197	58.453.511.414
Các khoản phải thu	249.761.297.468	282.968.938.354
Cộng tài sản tài chính	306.345.502.665	341.422.449.768
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản nợ tài chính		
Phải trả người bán ngắn hạn	201.286.606.917	192.110.079.550
Chi phí phải trả ngắn hạn	826.530.000	1.128.000.005
Các khoản phải trả, phải nộp khác	69.459.199.968	61.912.491.337
Doanh thu chưa thực hiện	231.363.637	1.765.957.977
Cộng các khoản nợ tài chính	271.803.700.522	256.916.528.869

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có rủi ro tỷ giá do không có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty kinh doanh các mặt hàng xăng, dầu phụ thuộc nhiều vào biến động giá cả thế giới và được mua từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP nên Công ty có thể chịu nhiều rủi ro về biến động giá đầu vào. Công ty chưa thể áp dụng các công cụ cần thiết để giảm thiểu các rủi ro này do Việt Nam chưa có thị trường ngoài việc trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có phải chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa các khoản nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn Công

11/11/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của các khoản nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tại 01/01/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.453.511.414	-	58.453.511.414
Các khoản phải thu	282.968.938.354	-	282.968.938.354
Cộng	341.422.449.768	-	341.422.449.768
Tại 31/12/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.584.205.197	-	56.584.205.197
Các khoản phải thu	249.761.297.468	-	249.761.297.468
Cộng	306.345.502.665	-	306.345.502.665

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức độ đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức độ đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết thể hiện được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tại 01/01/2024			
Phải trả người bán ngắn hạn	192.110.079.550	-	192.110.079.550
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.765.957.977	-	1.765.957.977
Các khoản phải trả, phải nộp khác	61.912.491.337	-	61.912.491.337
Cộng	256.916.528.869	-	256.916.528.869
Tại 31/12/2024			
Phải trả người bán ngắn hạn	201.286.606.917	-	201.286.606.917
Chi phí phải trả ngắn hạn	826.530.000	-	826.530.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	69.459.199.968	-	69.459.199.968
Cộng	271.803.700.522	-	271.803.700.522

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu các loại. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 23 và 24 Phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Số liệu so sánh là số trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2025

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Trang

Lê Đức Dân

Nguyễn Hoàng Phúc





CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

7. TỜ TRÌNH
VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN CHIA LỢI NHUẬN NĂM 2024 VÀ
KẾ HOẠCH PHÂN CHIA LỢI NHUẬN NĂM 2025

Hà Nội, tháng 4/2025

Số: 1084/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2025 của Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Hà Nội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/01/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân chia lợi nhuận năm 2024, kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2025, như sau:

A. Tình hình thực hiện kế hoạch 2024

ĐVT: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024
I	Tổng tài sản	702.680.954.062
a	Tài sản ngắn hạn	428.222.418.979
b	Tài sản dài hạn	274.458.535.083
II	Tổng nguồn vốn	702.680.954.062
a	Nợ phải trả	400.172.558.775
b	Vốn chủ sở hữu	302.508.395.287
III	Kết quả kinh doanh	
1	Doanh thu thuần	9.125.858.667.970
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2024	17.241.221.874
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	11.574.927.504
4	Lợi nhuận còn lại năm 2023 chuyển sang	1.005.752.535
5	Tổng lợi nhuận còn lại năm 2023 và 2024 (5=3+4)	12.580.680.039

B. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024:

Căn cứ các nội dung về kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2024 tại Nghị quyết số 1364/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024 và kết quả hoạt động SXKD năm 2024 như trên, Ban điều hành đề xuất Hội đồng Quản trị xem xét phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2025; thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2024 và kế hoạch thù lao năm 2025 như sau:

I. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024, kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2025

1. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024

ĐVT: VND			
STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Giá trị
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 trước khi trích lập các quỹ tính đến hết 31/12/2024		11.574.927.504
2	Trích lập quỹ	47,34%	5.479.099.951
-	Quỹ khen thưởng	5,00%	578.746.375
-	Quỹ thưởng cán bộ quản lý (tương đương 1 tháng lương)	5,34%	617.630.400
-	Quỹ phúc lợi	31,00%	3.588.227.526
-	Quỹ đầu tư phát triển	6,00%	694.495.650
3	Lợi nhuận năm 2024 còn lại trước khi chia cổ tức (3=1-2)		6.095.827.553
4	Lợi nhuận còn lại năm 2023		1.005.752.535
5	Tổng lợi nhuận năm 2023 +2024 còn lại trước chi cổ tức		7.101.580.088
6	Chi cổ tức	2,50%	6.614.102.500
7	Lợi nhuận còn lại sau chi cổ tức (7=5-6)		487.477.588

2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2025

STT	Nội dung	Diễn giải
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	LNST
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 trước khi trích lập các quỹ ¹	
3	Trích lập các quỹ. Dự kiến ² : - Quỹ Khen thưởng - Quỹ Phúc lợi - Quỹ Đầu tư Phát triển - Quỹ thưởng Người quản lý	40% Lợi nhuận trước khi trích lập các quỹ

¹ LNST trước khi trích quỹ được xác định bằng LNST trừ đi các khoản gồm: Lợi nhuận chia cho các bên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có); Lỗ lũy kế năm trước chuyển sang (nếu có); Truy thu thuế (nếu có) và các khoản khác được trích vào LNST theo quy định;

² Tỷ lệ trích cụ thể sẽ thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH và các quy định hiện hành của Nhà nước;

STT	Nội dung	Diễn giải
4	Lợi nhuận còn lại năm 2025 sau khi trích lập các quỹ	$4 = 2 - 3$
5	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	
6	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức năm 2025	$6 = 4 + 5$
7	Chia cổ tức năm 2025	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

Trên đây là Tờ trình phân chia lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2025 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC, LTH. 01b. *th*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Đình Tùng





CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

8. TỜ TRÌNH
VỀ THÙ LAO – THƯỞNG CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Hà Nội, tháng 4/2025

Số: 1085/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 2 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về thù lao - thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội năm 2024 và kế hoạch 2025

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Căn cứ điểm K khoản 2 Điều 138, điểm a khoản 2 Điều 163, khoản 1 Điều 172 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 26/05/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Nghị quyết số 1364/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty trong đó có kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông về tiền thù lao - thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty năm 2024; kế hoạch năm 2025; Báo cáo tiền lương năm 2024 của Giám đốc Công ty và người quản lý khác như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách

TT	Chức danh	Số người	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch 2025
I	Đối với PVOIL Hà Nội			
1	Chủ tịch HĐQT	01	6.500.000 đ/người/tháng	6.500.000 đ/người/tháng
2	Thành viên HĐQT	01	3.500.000 đ/người/tháng	3.500.000 đ/người/tháng
3	Thành viên Ban kiểm soát	02	2.000.000 đ/người/tháng	2.000.000 đ/người/tháng
	cộng		100.336.021 đồng	168.000.000 đồng

Ghi chú: Kế hoạch thù lao năm 2024 được phê duyệt là 90.000.000 đồng, thực hiện 100.336.021 đồng do phát sinh thù lao của các chức danh, cụ thể như sau:

- Ông Vũ Hoài Lam và Ông Trần Mạnh Hà là thành viên HĐQT không chuyên trách của PVOIL Hà Nội trong thời gian làm thủ tục miễn nhiệm thành viên HĐQT.

- Ông Hoàng Đình Tùng được bầu bổ sung là Chủ tịch HĐQT PVOIL Hà Nội không chuyên trách.

- Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty hoặc Phó Giám đốc Công ty, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương và phụ cấp kiêm nhiệm theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

2. Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác năm 2024

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện năm 2024
1	Ông Vũ Hoài Lam	Chủ tịch HĐQT	635.362.279
2	Ông Trần Mạnh Hà	Thành viên HĐQT, Giám đốc	600.163.853
3	Ông Nguyễn Hoàng Phúc	Thành viên HĐQT	89.339.826
4	Ông Đào Xuân Hữu	Thành viên HĐQT chuyên trách	469.834.666
5	Ông Đỗ Khắc Cường	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CN Hà Giang	451.631.852
6	Ông Đào Đại Thắng	Phó Giám đốc	466.414.714
7	Ông Trần Việt Hùng	Phó Giám đốc	463.709.153
8	Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Giám đốc	427.557.905
9	Bà Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc	427.816.601
10	Ông Vũ Văn Nghị	Trưởng ban kiểm soát	383.127.749
11	Ông Lê Đức Dân	Kế toán trưởng	399.347.904
	Quỹ lương tồn của Người quản lý chuyên trách đến thời điểm 31/12/2024		2.597.258.300
	Tổng cộng		7.411.564.800

3. Kế hoạch Quỹ lương năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Kế hoạch tiền lương năm 2025
1	Thành viên HĐQT	3	2.121.692.000
2	Phó Giám đốc Công ty	4	2.455.706.000
3	Trưởng ban kiểm soát	1	518.540.000
4	Kế toán trưởng	1	541.662.000
	Cộng	9	5.637.600.000 đồng

Ghi chú: 01 thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty và 02 thành viên HĐQT chuyên trách.

4. Quỹ thưởng Người quản lý (HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành)

- Thực hiện năm 2024: Công ty trích Quỹ thưởng Người quản lý với số tiền là 617.630.400 đồng tương đương 1,0 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý Công ty.

- Kế hoạch năm 2025:

+ Lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch: trích tối đa 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách.

+ Lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch: trích tối đa không quá 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách.

Trên đây là Tờ trình về tiền thù lao - thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận: 

- Như trên;

- Lưu: VT, TCHC, LTH. 01b. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 



Hoàng Đình Tùng





CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

10. TỜ TRÌNH

**VỀ THÔNG QUA HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI VỚI
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM-CTCP
VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA PVOIL**

Hà Nội, tháng 4/2025

Số: 1086/TT- HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội với Tổng công ty Dầu
Việt Nam-CTCP và người có liên quan của PVOIL

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Xăng dầu
Dầu khí Hà Nội (PVOIL Hà Nội);

Tổng công ty Dầu Việt Nam-CTCP (PVOIL) là đơn vị thành viên của Tập đoàn
Dầu khí Việt Nam, có cổ phần chi phối và sở hữu 71,84% vốn điều lệ của Công ty Cổ
phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PVOIL Hà Nội) và là doanh nghiệp đầu mối có quy mô
lớn, quản lý 27 công ty con trong và ngoài nước.

Do đặc thù kinh doanh xăng dầu của PVOIL, PVOIL đảm nhận vai trò đầu mối
tạo nguồn cho các công ty con bán hàng ra thị trường, các công ty con phân phối theo thị
trường được Tổng công ty phân công. Để linh hoạt và thuận lợi trong việc chủ động
nguồn hàng trong từng thời điểm, các công ty con đồng thời cũng ký các hợp đồng mua
bán, vay mượn, tiêu thụ xăng dầu, thuê kho với nhau. Năm 2024, giá trị giao dịch
PVOIL Hà Nội với PVOIL và các công ty con của PVOIL như sau:

- Giá trị giao dịch PVOIL Hà Nội mua của PVOIL là 9.271,37 tỷ đồng.
- Giá trị giao dịch PVOIL Hà Nội đã mua bán với các công ty con của PVOIL
là 593,66 tỷ đồng (trong đó mua là 476,48 tỷ đồng, bán là 117,18 tỷ đồng).

Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2025 PVOIL Hà Nội trình ĐHCĐ, tổng sản
lượng kinh doanh xăng dầu của PVOIL Hà Nội năm 2025 là 520.000 m³/tấn, doanh thu
kinh doanh xăng dầu tương ứng 7.921,7 tỷ đồng, trong đó nguồn hàng dự kiến mua từ
PVOIL tối thiểu khoảng 95%.

Theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu
lực từ ngày 01/01/2021 thì các hợp đồng, giao dịch giữa PVOIL Hà Nội với các đối
tượng là cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của PVOIL Hà Nội và
những người có liên quan của họ và có giá trị giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% tổng
giá trị tài sản PVOIL Hà Nội ghi trong báo cáo tài chính gần nhất phải được Đại hội
đồng cổ đông chấp thuận.



Do vậy, để chủ động trong công tác đảm bảo nguồn hàng, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và hiệu quả hoạt động, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các hợp đồng, giao dịch mua, bán, vay mượn, tiêu thụ xăng dầu, thuê hoặc gửi kho xăng dầu, thuê CHXD có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty trên Báo cáo tài chính năm 2024 giữa PVOIL Hà Nội với PVOIL và người liên quan của PVOIL với các nội dung chủ yếu như sau:

- Thông qua hợp đồng, giao dịch với PVOIL, người có liên quan của PVOIL với nội dung chủ yếu và giá trị hợp đồng, giao dịch như sau:

+ Đối tượng ký kết hợp đồng: Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP và đối tượng/ người có liên quan của PVOIL.

+ Tên hàng hóa: Các mặt hàng Xăng, Dầu các loại, chi phí thuê kho, chi phí thuê CHXD.

+ Loại hợp đồng: Mua, bán, tiêu thụ, vay mượn, thuê hoặc gửi kho xăng dầu, thuê CHXD.

+ Khối lượng giao dịch dự kiến: 520.000 m³, tấn (+/- 20%).

+ Giá giao dịch: phù hợp với giá thị trường và biến đổi theo giá bán lẻ xăng dầu. Dự kiến tổng giá trị giao dịch giữa PVOIL Hà Nội và PVOIL được tính theo giá bán lẻ xăng dầu xây dựng kế hoạch 2025 và các khoản chi phí kế hoạch có liên quan theo kế hoạch 2025 (bao gồm: Mua, bán, tiêu thụ, vay mượn, thuê hoặc gửi kho xăng dầu, thuê CHXD) trong 12 tháng là 8.740 tỷ đồng.

+ Chất lượng: Theo tiêu chuẩn Việt Nam.

+ Thanh toán: Bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng hoặc cầm trừ công nợ.

+ Thời gian thực hiện hợp đồng/giao dịch: Từ ngày thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đến ngày thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 nhưng không vượt quá ngày 30/6/2026.

- Tổng giá trị giao dịch với Người liên quan phát sinh trong kỳ sẽ được nêu trong báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm của PVOIL Hà Nội. Người đại diện công ty PVOIL Hà Nội ký hợp đồng, giao dịch này phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

PVOIL Hà Nội cam kết thực hiện các hợp đồng, giao dịch trên tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp theo giá thị trường và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PVOIL (để b/c) *lưu*
- HĐQT (để c/đạo t/hiện);
- Ban KS (để biết);
- Lưu VT, TCHC, LTH.01b *lưu*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Đình Tùng





CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

11. TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ
HOẠT ĐỘNG VÀ BAN HÀNH QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ PVOIL HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 4/2025

Số: 1087/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động
và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

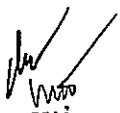
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PVOIL Hà Nội) được phê duyệt và ban hành ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi, bổ sung;

Trong thời gian vừa qua, Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội đã chỉ đạo Ban điều hành rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quản lý cho phù hợp yêu cầu của pháp luật hiện hành. Để đảm bảo cập nhật các nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (thay thế cho Quy chế làm việc hiện tại của Hội đồng quản trị), Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua ban hành mới 02 văn bản theo thẩm quyền, bao gồm: Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội (Theo các dự thảo đính kèm).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên; 
- HĐQT, Ban Kiểm soát (để biết);
- Lưu VT, TCHC, LTH.01b. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Hoàng Đình Tùng

NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA PVOIL HÀ NỘI
(Đính kèm Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 31 / 3 /2025)

Nội dung Điều lệ hiện tại	Đề xuất sửa đổi/ bổ sung	Lý do sửa đổi/ bổ sung
Khoản 6,7. Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 6 - Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật; c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 7- Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi ngày), kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.	• <i>Sửa một số nội dung/ từ ngữ của khoản 6,7 (bôi đậm) như sau:</i> 6 - Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 7- Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi ngày), kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 5 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản	Sửa một số nội dung/ từ ngữ khoản 6,7 cho phù hợp Luật doanh nghiệp hiện hành và dẫn chiếu các nội dung khác của Điều lệ.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trường ban kiểm soát và các thành viên ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty. c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 4 Điều này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 4 tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.	trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty. b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trường ban kiểm soát và các thành viên ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty. c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập và tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
Khoản 1 Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1- Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại điểm b, c Khoản 6 Điều 13.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 17 như sau (Bôi đậm): 1 - Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 5, 6 Điều 13 Điều lệ này.
Khoản 3 Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 3- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể	Sửa đổi nội dung Khoản 3 Điều 18 như sau (Bôi đậm): 3- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong vòng
	Sửa đổi để làm rõ ý hơn.
	Sửa đổi cho phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp và tham chiếu điều khoản khác tại Điều lệ.

từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.	20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.	
Khoản 2 Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2- Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông.	Bổ sung nội dung Khoản 2 Điều 21 như sau (bôi đậm): 2 - Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.	Bổ sung rõ thêm nội dung theo quy định của Luật doanh nghiệp và tham chiếu điều khoản khác tại Điều lệ.
Khoản 2,3,4,5,6 Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Kiến nghị các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;	• Bổ khoản 3,4,5,6. Góp nội dung khoản 3 Điều 26 vào nội dung ở khoản 2 và sửa đổi, bổ sung một số nội dung/ từ ngữ ở khoản 2, cụ thể như sau: 2- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;	Do nội dung các khoản có sự trùng lặp và đã quy định trong dự thảo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nên bổ cục lại và điều chỉnh/ bổ sung đầy đủ hơn nội dung cho khoản 2 phù hợp các quy định Luật doanh nghiệp, hoạt động SXKD của đơn vị.

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d) Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi; e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp; f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;	c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
i) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý doanh nghiệp đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; Giám sát, chỉ đạo Giám đốc	i) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

và người quản lý doanh nghiệp khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định. m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông; n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá kinh doanh; o) Kiến nghị việc tái cơ cấu lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty; p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty; q) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp. 1- Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; b) Thành lập các Công ty con của Công ty; c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp	Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan và phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp. j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; quyết định cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại doanh nghiệp khác; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng và kỷ luật cán bộ đối với các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo thẩm quyền, trình tự và các quy định tại Quy chế quản lý cán bộ và các quy chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị với các tổ chức liên quan; k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; l) Quyết định cơ cấu tổ chức, kế hoạch định biên lao động, quy chế quản lý nội bộ của Công ty (trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông), quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; m) Quyết định quỹ tiền lương kế hoạch, thực hiện của người quản lý và người lao động Công ty. n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết; o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
---	--

đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thấu tóm Công ty và liên doanh); d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty; e) Việc vay nợ và việc thực hiện thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty; f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá 10% (mười phần trăm) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; g) Mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; h) Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; i) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) cổ phần theo từng loại đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng; j) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty; k) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; 2- Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng đối với Giám đốc và những Người quản lý doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua. 3- Quyền được cung cấp thông tin của Hội đồng quản trị:	p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty; r) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty; s) Việc vay nợ, trừ việc vay nợ dưới hình thức phát hành thêm cổ phần, phát hành trái phiếu, các chứng quyền thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu có) và các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và trường hợp quy định tại điểm d) khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp. Thông qua việc thực hiện Hợp đồng thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và không thuộc khoản 1), 3) Điều 167 Luật Doanh nghiệp; t) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá 10% (mười phần trăm) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và việc đầu tư không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty; u) Tổ chức định giá các tài sản góp vào Công ty theo quy định tại Điều 36 Luật Doanh nghiệp bao gồm: tài sản không phải là đồng tiền Việt nam (quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và các tài sản khác không phải bằng tiền mặt Việt nam), ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng; v) Việc Công ty mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã chào bán trong 12 (mười hai) tháng và quyết định giá mua lại cổ phần;
--	---

a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và các đơn vị trong công ty. b) Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. 4- Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho viên chức cấp dưới và các Người quản lý doanh nghiệp đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.	w) Quyết định mức giá mua cổ phần của doanh nghiệp khác ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. x) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.	
Khoản 6, Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 6 - Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	Bổ sung nội dung (bôi đậm) tại Khoản 6 Điều 29 như sau: 6- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp hoặc một thời hạn ngắn hơn 03 (ba) ngày làm việc trong các trường hợp cần xử lý gấp công việc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	Bổ sung nội dung để đáp ứng yêu cầu hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị trong các trường hợp cần thực hiện theo yêu cầu của hoạt động SXKD, đảm bảo lợi ích của Công ty.
Khoản 2 Điều 30. Biên bản họp Hội đồng quản trị 2- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	<i>Bổ sung nội dung (Bôi đậm) cụ thể hơn cho khoản 2 Điều 30 như sau:</i> 2- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này	Quy định cụ thể hơn theo pháp luật hiện hành tại Khoản 2 Điều 158 Luật DN được sửa đổi bởi Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư,

	có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.	Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự 2022 có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2022.
Điểm 10 Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 10- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	<i>Bổ sung khoản 11 điều 40 với nội dung được chuyển từ điểm 10 sang và sửa nội dung điểm 10 hiện tại, cụ thể như sau:</i> 10- Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; 11- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Bổ sung theo điểm c khoản 4 Điều 164 Luật doanh nghiệp và để nâng cao vai trò, trách nhiệm hoạt động của Ban kiểm soát.
Điểm b Khoản 7 Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi b) Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính số gần nhất của Công ty hoặc Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính giữa công ty và cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người có liên quan của cổ đông đó, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;	Sửa nội dung (Bồi đắp) tại điểm b Khoản 7 Điều 43 như sau: b) Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính số gần nhất của Công ty hoặc Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người có liên quan của cổ đông đó, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;	Bổ sung rõ đối tượng hơn theo quy định Luật doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU
DẦU KHÍ HÀ NỘI
(PVOIL HÀ NỘI)

Hà Nội – Tháng 4 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG I- ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	3
Điều 1: Giải thích thuật ngữ.....	3
CHƯƠNG II- TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của công ty	4
CHƯƠNG III- MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4: Mục tiêu của Công ty	5
Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động	11
CHƯƠNG IV- VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	11
Điều 6: Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	11
Điều 7: Chứng nhận cổ phiếu, Sổ đăng ký cổ đông	12
Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác.....	12
Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần	13
CHƯƠNG V- CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	13
Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý.....	13
CHƯƠNG VI- CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 11: Quyền của Cổ đông Công ty	13
Điều 12: Nghĩa vụ của Cổ đông.....	15
Điều 13: Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 14: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 15: Ủy quyền tham dự đại hội đồng cổ đông	19
Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 20: Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	23
Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 22: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
CHƯƠNG VII- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 24: Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 25: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 27: Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 28: Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
Điều 29: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 30: Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	33
Điều 31: Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	34
Điều 32: Người phụ trách quản trị công ty	34
CHƯƠNG VIII- GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	35
Điều 33: Tổ chức bộ máy quản lý.....	35
Điều 34: Người điều hành công ty	35
Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	35
Điều 36: Thư ký Công ty	36

CHƯƠNG IX- BAN KIỂM SOÁT.....	36
Điều 37: Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát.....	36
Điều 38: Thành phần Ban Kiểm soát.....	36
Điều 39: Trưởng Ban kiểm soát.....	37
Điều 40: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	37
Điều 41: Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	38
Điều 42: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	38
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 43: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	38
Điều 44: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	40
CHƯƠNG XI- QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY...40	40
Điều 45: Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	40
CHƯƠNG XII- CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....41	41
Điều 46: Công nhân viên và công đoàn.....	41
Điều 47: Phân phối lợi nhuận	41
Điều 48: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	42
CHƯƠNG XIV- TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....42	42
Điều 49: Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 50: Trích lập Quỹ	42
Điều 51: Năm tài chính.....	42
Điều 52: Chế độ kế toán	42
CHƯƠNG XV- BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....43	43
Điều 53: Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	43
CHƯƠNG XVI- KIỂM TOÁN CÔNG TY.....43	43
Điều 54: Kiểm toán.....	43
CHƯƠNG XVII- CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....43	43
Điều 55: Con dấu.....	43
CHƯƠNG XVIII- GIẢI THỂ CÔNG TY.....43	43
Điều 56: Giải thể Công ty	43
Điều 57: Thanh lý	44
Điều 58: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	44
CHƯƠNG XX- BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....44	44
Điều 59: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	44
CHƯƠNG XXI- NGÀY HIỆU LỰC.....45	45
Điều 60: Ngày hiệu lực	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PV OIL Hà Nội) (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với Luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi các Cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 16 tháng 11 năm 2010 và được sửa đổi ngày 18 tháng 10 năm 2021 cho phù hợp với Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14; gồm XXI chương, 60 điều như sau:

CHƯƠNG I- ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Giải thích thuật ngữ

1- Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- a) "**Vốn Điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán của Công ty quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;
- b) "**Vốn có quyền biểu quyết**" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- d) "**Luật Chứng khoán**" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) "**Việt Nam**" có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- f) "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) "**Người điều hành công ty**" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- h) "**Người quản lý doanh nghiệp**" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- i) "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- j) "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) "**Cổ đông sáng lập**" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;
- l) "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.
- m) "**Đại hội trực tuyến**" là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

- n) **“Hệ thống trực tuyến”** là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.
- o) **“Đại hội truyền thống”** là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đó các cổ đông tham dự trực tiếp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp tại một địa điểm nhất định mà không phải hình thức trực tuyến quy định tại Điểm m Khoản này.
- p) **“Cổ đông dự họp”** là cổ đông thực hiện tham dự bằng các hình thức dự họp trực tiếp, trực tuyến, bỏ phiếu từ xa hoặc một hình thức khác theo quy định pháp luật.

2- Trong Điều lệ này khi nói đến một điều khoản hay một văn bản nào đó thì chúng sẽ bao gồm cả những điều khoản sửa đổi hay văn bản thay thế.

3- Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4- Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II- TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1- Tên Công ty:

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI**

Tên tiếng Anh: **PETROVIETNAM OIL HA NOI JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch: **PVOIL HÀ NỘI**

Tên viết tắt: **PV OIL HA NOI., JSC**

2- Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

3- Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: số 194 Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 385603321

Fax: 024 3856 3319

4- Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

5- Trừ khi chấm dứt hoạt động hoặc giải thể theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của công ty

Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác có liên quan và các quy định của Điều lệ này.

CHƯƠNG III- MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4: Mục tiêu của Công ty

1- Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn xăng dầu; Kinh doanh xăng dầu - Sản xuất, pha chế xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; - Sản phẩm cho ngành hoá dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường, cồn trắng, varolin, sáp paraffin, nhớt; bánh dầu, sản phẩm dầu mỡ tinh chế; - Kinh doanh nguyên liệu, phụ liệu phục vụ sản xuất công, nông nghiệp, giao thông vận tải, vật liệu xây dựng - Kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhờn, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	4661 (chính)
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
4	Khai thác thủy sản nội địa	0312
5	Khai thác dầu thô	0610
6	Khai thác quặng sắt	0710
7	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
8	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: - Chế biến nguyên liệu thuốc lá - Chế biến, thu mua, tiêu thụ các mặt hàng nông, thủy, hải sản	0163
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Thu mua, chế biến khoáng sản	0990
10	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
11	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị	3320
12	Xây dựng nhà để ở	4101
13	Xây dựng nhà không để ở	4102

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
14	Xây dựng công trình đường bộ	4212
15	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: các nhà máy lọc dầu, các xưởng hoá chất, đường thuỷ, bến cảng, các hệ thống bồn chứa xăng dầu và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; - Đập và đê; - Đường hầm, công trình thể thao ngoài trời.	4299
16	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Mua bán ô tô và xe có động cơ - Kinh doanh ô tô	4511
17	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;	4520
18	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;	4530
19	Bán mô tô, xe máy - Chi tiết: Kinh doanh xe máy	4541
20	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa (không hoạt động đấu giá)	4610
21	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác - Kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, nước giải khát	4633
22	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo Chi tiết: - Kinh doanh thuốc lá - Bán buôn sản phẩm thuốc lá như thuốc lá điếu, xì gà, các sản phẩm thuốc láo (sản phẩm sản xuất trong nước)	4634
23	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép - Chi tiết: Kinh doanh hàng may mặc các loại	4641
24	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông - Chi tiết: Kinh doanh điện tử, điện lạnh	4652
25	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
	- Chi tiết: Khai thác, chế biến, thu mua, tiêu thụ các mặt hàng lâm sản	
26	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Trồng cây thuốc lá	0115
27	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Nước rửa kính ô tô, dung dịch đánh bóng bề mặt sơn, dung dịch đánh bóng nội thất, dung dịch dưỡng và bóng lốp cao cấp, dung dịch vệ sinh kính; - Bán buôn các sản phẩm nhựa; các sản phẩm giấy. - Bán buôn sim, thẻ cào điện thoại, thẻ game, bán buôn bột lửa, áo mưa.	4669
28	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: - Kinh doanh thương mại tổng hợp - Kinh doanh mặt hàng muối I ốt, dầu hỏa, giấy vò, phân bón các loại, thuốc trừ sâu, giống cây trồng vật nuôi các loại.	4690
29	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (supermaket) - Bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sản phẩm sản xuất trong nước), bán lẻ đồ uống có cồn, không cồn	4711
30	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu	4730
31	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán mũ bảo hiểm ô tô, xe máy	4759
32	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Nước rửa kính ô tô, dung dịch đánh bóng bề mặt sơn, dung dịch bóng nội thất, dung dịch dưỡng và bóng lốp cao cấp, dung dịch vệ sinh kính; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; đồng hồ, máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh. - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức (trừ kinh doanh vàng miếng).	4773
33	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;	4799
34	Vận tải hành khách đường sắt	4911

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
35	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
36	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách đường bộ	4932
37	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa đường bộ - Dịch vụ vận tải xăng dầu	4933
38	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
39	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận chuyển hành khách đường thủy	5022
40	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá Chi tiết: - Dịch vụ lưu giữ hàng hóa - Đại lý kí gửi các loại hàng hóa	5210
41	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải; Dịch vụ đại lý tàu biển.	5229
42	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
43	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn (trừ quán bar, vũ trường)	5610
44	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) <i>Chi tiết: Các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.</i>	6499
45	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm <i>Chi tiết: Đại lý bảo hiểm</i>	6622
46	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; - Đầu tư các công trình hạ tầng trên đất để cho thuê; cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng cho thuê lại; - Dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu;	6810
47	Quảng cáo	7310

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
48	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước và nước ngoài	7810
49	Đại lý du lịch - Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, kinh doanh lữ hành quốc tế	7911
50	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Môi giới và xúc tiến thương mại;	8230
51	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu (xăng dầu, nguyên liệu sản xuất trong nước và xăng dầu, nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu), - Nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, - Chuyển khẩu xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; - Sản phẩm cho ngành hoá dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường, cồn trắng, varolin, sáp parafin, nhớt; - Bánh dầu, sản phẩm dầu mỏ tinh chế; - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa - Xuất nhập khẩu các loại hàng hóa, vật tư thiết bị, nguyên liệu, hương liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị dùng cho sản xuất thuốc lá - Xuất khẩu khoáng sản (trừ khoáng sản nhà nước cấm).	8299
52	Đào tạo trung cấp	8532
53	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động các phòng hát karaoke	9329
54	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
55	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
56	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
57	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
58	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
59	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
60	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
61	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
62	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
63	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế; nước hoa, nước thơm, mỹ phẩm, son phấn, đồ dùng trang điểm, vật phẩm vệ sinh, nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm, sản phẩm chăm sóc răng miệng, tã lót, sản phẩm khử mùi.	4772
64	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	1075
65	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn. Bán lẻ đồ uống không cồn (trừ quán bar, vũ trường)	4723
66	Dịch vụ ăn uống khác (trừ quán bar, vũ trường)	5629
67	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, vũ trường) (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).	5630
68	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh	4762
69	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: bán buôn thực phẩm chức năng, bán buôn thịt, và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường sữa và các chế phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
70	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: dịch vụ sạc pin thiết bị điện tử.	6209
71	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
72	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
73	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
74	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
75	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
76	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (không hoạt động tại trụ sở)	4631
77	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
78	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết:	4722

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
	-Bán lẻ thịt và sản phẩm thịt; thủy sản; rau, quả; đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm khác -Bán lẻ thực phẩm chức năng	
79	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sản phẩm sản xuất trong nước)	4724
80	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
81	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sách-báo-tạp chí, văn phòng phẩm (trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)	4761
82	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục, nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội).	4764
83	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc; giày dép; cặp, túi, ví, hàng da và giả da	4771

Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty

Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đăng ký trên Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2- Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV- VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6: Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1- Vốn Điều lệ của Công ty là 264.564.100.000 đồng (hai trăm sáu mươi bốn tỷ năm trăm sáu mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 26.456.410 (hai mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm mười) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng/cổ phần).

2- Công ty có thể thay đổi vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

3- Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ bao gồm toàn bộ là Cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu

đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.

4- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

5- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông hiện hữu theo phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần để các cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần các cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

6- Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này, đảm bảo tuân thủ Luật Doanh nghiệp, phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại theo Điều 132, Điều 133 Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa được bán. Công ty sau khi mua lại cổ phần phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại. Thời gian để thực hiện đăng ký giảm vốn điều lệ là trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 2 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp.

7- Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; và quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan

Điều 7: Chứng nhận cổ phiếu, Sổ đăng ký cổ đông

1- Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2- Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4- Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5- Sổ đăng ký cổ đông của công ty quy định theo Điều 122 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký

của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần

1- Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp hoặc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có liên quan (trong trường hợp công ty là công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán).

2- Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3- Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4- Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.

5- Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6- Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

7- Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

8- Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V- CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Giám đốc.

CHƯƠNG VI- CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11: Quyền của Cổ đông Công ty

1- Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Điều lệ này và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 2- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05 (năm) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên, có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.
- 3- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10 (mười) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01 (một) % số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc theo quy định của Luật doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 12: Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông của Công ty có các nghĩa vụ sau:

- 1- Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;
- 2- Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- 3- Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- 4- Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 5- Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- 6- Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- 7- Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
- 8- Trường hợp tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo hình thức quy định tại Điểm c Khoản 6 Điều này, cổ đông có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản trực tuyến và công nhận kết quả bỏ phiếu đã thực hiện trên hệ thống trực tuyến từ tài khoản của mình, đồng thời tuân thủ các nghĩa vụ khác theo các quy định hiện hành của Công ty.

9- Khi có sự thay đổi thông tin cá nhân, địa chỉ liên hệ, cổ đông phải thông báo chính xác, kịp thời thay đổi này với cơ quan lưu ký chứng khoán hoặc với Công ty (nếu cổ phiếu chưa lưu ký).

10- Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông

1- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2- Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

3- Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông báo cho cổ đông tại quyết định triệu tập Đại hội.

4- Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập, lựa chọn địa điểm và hình thức phù hợp tùy từng thời điểm. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

5- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quy định của Điều lệ công ty và của pháp luật.

6- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông

liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

7- Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi ngày), kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 5 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trường ban kiểm soát và các thành viên ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập và tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1- Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 2- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (trong trường hợp công ty là công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán);
 - s) Phê duyệt Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3- Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15: Ủy quyền tham dự đại hội đồng cổ đông

1- Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự thông qua các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền; số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung ủy quyền; phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền; chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4- Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền đã:

- a) Chết, hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5- Việc ủy quyền trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức theo hình thức trực tuyến và/hoặc có bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác sẽ thực hiện theo các quy định hiện hành của Công ty.

Điều 16: Thay đổi các quyền

1- Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2- Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3- Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4- Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1- Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 5, 6 Điều 13 Điều lệ này.

2- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại khoản 3 Điều này;

h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

3- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp Công ty xét thấy cần thiết thì có thể đăng báo ngày của trung ương hoặc địa phương. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi Thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc Đại hội. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp trên trang thông tin điện tử của Công ty để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải

được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần người đó nắm giữ, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5- Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Kiến nghị không chứa đựng những thông tin cần thiết;
- d) Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm đủ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này.

6- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7- Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

2- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên.

3- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 19: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thẻ thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1- Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp Thẻ biểu quyết cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến hoặc các hình thức khác theo quy chế tổ chức họp đại hội

đồng cổ đông. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2- Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3- Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến hoặc các hình thức khác theo quy chế tổ chức họp đại hội đồng cổ đông. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

6- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7- Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

9- Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10- Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo các quy định hiện hành của Công ty. Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan.

Điều 20: Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 của Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2- Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5 Điều này.

3- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4- Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần ưu đãi loại đó tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần ưu đãi loại đó tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6- Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1- Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2- Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3- Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4- Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác
- d) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5- Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6- Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8- Các quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3- Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

5- Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 20 Điều lệ này;

2- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24: Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị

1- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).
- j) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2- Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) số phiếu có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) số phiếu có quyền biểu quyết được đề cử 02 (hai) thành viên và nếu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) số phiếu có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định hiện hành khác của Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị có từ 03 (ba) đến 05 (năm) người.

2- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4- Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5- Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật.

6- Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan và phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; quyết định cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại doanh nghiệp khác; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng và kỷ luật cán bộ đối với các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo thẩm quyền, trình tự và các quy định tại Quy chế quản lý cán bộ và các quy chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị với các tổ chức liên quan;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, kế hoạch định biên lao động, quy chế quản lý nội bộ của Công ty (trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông), quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Quyết định quỹ tiền lương kế hoạch, thực hiện của người quản lý và người lao động Công ty.

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty;

s) Việc vay nợ, trừ việc vay nợ dưới hình thức phát hành thêm cổ phần, phát hành trái phiếu, các chứng quyền thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu có) và các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và trường hợp quy định tại điểm d) khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp. Thông qua việc thực hiện Hợp đồng thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và không thuộc khoản 1), 3) Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

t) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá 10% (mười phần trăm) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và việc đầu tư không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

u) Tổ chức định giá các tài sản góp vào Công ty theo quy định tại Điều 36 Luật Doanh nghiệp bao gồm: tài sản không phải là đồng tiền Việt Nam (quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và các tài sản khác không phải bằng tiền mặt Việt Nam), ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;

v) Việc Công ty mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã chào bán trong 12 (mười hai) tháng và quyết định giá mua lại cổ phần;

w) Quyết định mức giá mua cổ phần của doanh nghiệp khác ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm d) khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

x) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 27: Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3- Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức Giám đốc của Công ty.

3- Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1- Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc

hợp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2- Hội đồng quản trị phải họp định kỳ mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3- Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý doanh nghiệp khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4- Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp hoặc một thời hạn ngắn hơn 03 (ba) ngày làm việc trong các trường hợp cần xử lý gấp công việc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) trở lên tổng số thành viên hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10- Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11- Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12- Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm c khoản 12 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 11 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;
- b) Theo quy định tại điểm d khoản 12 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 7 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13- Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó thì phải có trách nhiệm công khai bản chất và nội dung của lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

15- Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16- Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong

cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều 30 Điều lệ này.

17- Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác cùng một lúc.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các Nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

18- Những người được mời họp dự thính: Giám đốc, những Người quản lý doanh nghiệp khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

19- Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc do bất kỳ người nào có tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

Điều 30: Biên bản họp Hội đồng quản trị

1- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3- Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5- Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 31: Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1- Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, các quy định hiện hành của Công ty.

Điều 32: Người phụ trách quản trị công ty

1- Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 (năm) năm.

2- Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3- Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4- Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII- GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33: Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 34: Người điều hành công ty

1- Người điều hành công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2- Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3- Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; Hợp đồng của những người điều hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

4- Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1- Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2- Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3- Quyền hạn và nhiệm vụ: Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả Người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4- Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông: Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nghiệp vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5- Miễn nhiệm: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành; và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 36: Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX- BAN KIỂM SOÁT

Điều 37: Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát

1- Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 24 Điều lệ này.

2- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định hiện hành của Công ty. Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38: Thành phần Ban Kiểm soát

1- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2- Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3- Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4- Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39: Trưởng Ban kiểm soát

1- Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2- Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành công ty.

4- Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành công ty thì Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.

8- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý doanh nghiệp, người điều hành công ty và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý doanh nghiệp, người điều hành công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10- Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

11- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41: Cuộc họp của Ban kiểm soát

1- Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2- Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, di lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty và những người có liên quan của các thành viên này

chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ với chính họ hoặc với những người có liên quan của họ theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin (trong trường hợp công ty là công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán).

4- Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty và những người có liên quan của các thành viên này hoặc cho bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5- Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7- Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trở xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã có phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
- b) Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính số gần nhất của Công ty hoặc Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người có liên quan của cổ đông đó, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;

8- Không một thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty

vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 44: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1- Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cẩn và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2- Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong một vụ khiếu nại, khởi kiện đã, đang hoặc có thể sẽ diễn ra; dù là một vụ dân sự hay hành chính (mà không phải là sự kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty); nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty, Nhân viên hoặc người được uỷ quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty, Nhân viên hoặc người được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác theo sự yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty). Chi phí được bồi thường bao gồm: các khoản chi tiêu phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), án phí, các khoản phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc trên trong khuôn khổ luật pháp; với điều kiện là đương sự đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cẩn và với năng lực chuyên môn đúng cách và người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không ngược lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát giác hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm vào trách nhiệm của mình. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những sự bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI- QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45: Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1- Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

- a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2- Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4- Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc

một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty

CHƯƠNG XII- CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46: Công nhân viên và công đoàn

1- Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành công ty.

2- Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47: Phân phối lợi nhuận

1- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3- Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

4- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5- Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;

- c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

6- Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

7- Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 48: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV- TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 49: Tài khoản ngân hàng

1- Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2- Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3- Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50: Trích lập Quỹ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo qui định của Pháp luật và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Hằng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau:

1- Quỹ đầu tư phát triển: Trích theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên và được sử dụng cho các mục đích quy định trong Quy chế tài chính của Công ty.

2- Quỹ khen thưởng và phúc lợi: Do Đại hội đồng cổ đông hàng năm quyết định.

3- Các quỹ khác nếu có do Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị và được Đại Hội đồng cổ đông Công ty phê chuẩn hàng năm.

Điều 51: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đó.

Điều 52: Chế độ kế toán

1- Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc một hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2- Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3- Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV- BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 53: Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1- Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm. Việc kiểm toán báo cáo tài chính năm (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

2- Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3- Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (trong trường hợp công ty là công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán) và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG XVI- KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54: Kiểm toán

1- Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2- Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3- Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII- CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 55: Con dấu

1- Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2- Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện.

3- Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty hoặc quy chế do doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của doanh nghiệp có dấu ban hành. Doanh nghiệp sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVIII- GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 56: Giải thể Công ty

1- Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2- Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể hoặc chấm dứt hoạt động theo khoản 1 Điều này phải được gửi đến cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục này là bắt buộc.

Điều 57: Thanh lý

1- Tối thiểu sáu tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty hoặc chấm dứt hoạt động, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước toà án và các cơ quan hành chính.

3- Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty (nếu có);
- f) Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX- GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1- Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a) Một Cổ đông hoặc nhiều Cổ đông với Công ty; hoặc
- b) Một Cổ đông hoặc nhiều Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2- Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án có thẩm quyền.

3- Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX- BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1- Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2- Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI- NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60: Ngày hiệu lực

1- Bản Điều lệ này gồm XXI chương 60 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội nhất trí thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2- Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

2.1- 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương

2.2- 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2.3- 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ

**Hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-XDHN ngày / /2025
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công ty: Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.
2. Đơn vị trực thuộc: Các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các đơn vị trực thuộc khác của Công ty.
3. Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.
4. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.
5. Hội đồng quản trị (HĐQT): Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.
6. Ban kiểm soát (BKS): Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.
7. Kiểm soát viên (KSV): Thành viên ban kiểm soát.
8. Người có liên quan: là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.
 - b) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Công ty thông qua sở hữu, đầu tư hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty.
 - c) Người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, kiểm soát viên.
 - d) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em

dầu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên hay cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối.

đ) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b khoản này.

e) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

9. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa 14 kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị có từ 03 (ba) đến 05 (năm) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d. Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

đ. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp

ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này.

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định hiện hành khác của Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo các quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan và phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; quyết định cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại doanh nghiệp khác; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng và kỷ luật cán bộ đối với các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo thẩm quyền, trình tự và các quy định tại Quy chế quản lý cán bộ và các quy chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị với các tổ chức liên quan;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, kế hoạch định biên lao động, quy chế quản lý nội bộ của Công ty (trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông), quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Quyết định quỹ tiền lương kế hoạch, thực hiện của người quản lý và người lao động Công ty.

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty;

s) Việc vay nợ, trừ việc vay nợ dưới hình thức phát hành thêm cổ phần, phát hành trái phiếu, các chứng quyền thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu có) và các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và trường hợp quy định tại điểm d) khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp. Thông qua việc thực hiện Hợp đồng thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và không thuộc khoản 1), 3) Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

t) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá 10% (mười phần trăm) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và việc đầu tư không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

u) Tổ chức định giá các tài sản góp vào Công ty theo quy định tại Điều 36 Luật Doanh nghiệp bao gồm: tài sản không phải là đồng tiền Việt Nam (quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và các tài sản khác không phải bằng tiền mặt Việt Nam), ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;

v) Việc Công ty mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã chào bán trong 12 (mười hai) tháng và quyết định giá mua lại cổ phần;

w) Quyết định mức giá mua cổ phần của doanh nghiệp khác ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm d) khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

x) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ

trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng đối với Giám đốc và những Người quản lý doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Trong thẩm quyền của mình, Hội đồng quản trị có thể phân cấp giao nhiệm vụ bằng văn bản cho Giám đốc Công ty và Người quản lý doanh nghiệp quyết định các hợp đồng, giao dịch và thực hiện các công việc thay mặt Công ty, bao gồm cả các nhiệm vụ đòi hỏi đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày (ba mươi ngày) kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định tại điều này thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 2 điều này thì trong thời hạn 30 ngày (ba mươi ngày) tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định tại điều này thì Trưởng ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 2 điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 1 điều này có quyền đại diện công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiêu chuẩn giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết/ Quyết định của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Chương IV - CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu

cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp hoặc một thời hạn ngắn hơn 03 ngày làm việc trong các trường hợp cần xử lý gấp công việc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Các nội dung khác liên quan đến cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo

quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V - MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

Điều 18. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết/ quyết định/ văn bản đề Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện.

Điều 19. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VI - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này bao gồm 06 chương, 20 điều có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Đình Tùng

